

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 4

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

(Phần 2)

“Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, có tâm” v.v... trở xuống là thứ hai kệ tụng có một trăm mười bốn hàng chia làm hai:

1) Bốn hàng tụng duyên khởi.

2) Một trăm mười hàng tụng chính là nói.

1. Duyên khởi có ba: Nay lược bỏ không tụng phần Phật hứa nói, khuyên răn lắng nghe, bài tụng thứ hai chê bai chúng bất tịnh, bài tụng thứ ba khen ngợi chúng thanh tịnh, chỉ tụng hai đoạn này gồm có hai nghĩa:

1) Muốn chứng minh Đức Phật ngăn Thân Tử và Thân Tử lại xin Phật nói. Dùng bài tụng chúng bất tịnh nói lên Đức Phật ngăn xin nói là không luống uổng. Kế tụng chúng thanh tịnh nói về Thân Tử xin là không lầm.

2) Bài tụng chúng bất tịnh, khuyên răn chúng sanh đời vị lai chớ chấp trước Tiểu thừa làm chướng ngại Đại thừa. Kế là tụng chúng thanh tịnh, vì khuyên tất cả chúng sanh tu tập Đại thừa.

Ban đầu một bài tụng nhiếp bốn chúng làm ba lỗi: hai chúng xuất gia đồng có lỗi tăng thượng mạn, vì sao? Vì hai chúng xuất gia chuyên tâm đạo quả thường đạt được thiên định cho nên khi đắc Bốn thiên mà cho là đắc bốn quả nên gọi là tăng thượng mạn. Có người nói tăng trong mạn, hơn cả mạn gọi là tăng thượng mạn. Nay nói tăng thượng là pháp tăng hơn, chưa đắc pháp tăng hơn mà cho là đắc pháp tăng hơn ỷ lại đây tự cao gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn và tà mạn có gì khác nhau?

Đáp: ba tạng Chân-đế chép: Đều chưa đắc Thánh pháp mà ỷ lại tà pháp để khởi mạn gọi là tà mạn; Nếu đắc chút ít pháp như đắc Bốn thiên, v.v... mà cho là rất ráo nên gọi Tăng thượng mạn.

Hỏi: Vì sao gọi là ôm lòng tăng thượng mạn?

Đáp: Chú giải Kinh rằng: Nếu vô tâm mà tiến đức thì sau đó hội ý! Có lòng đối với đạo tăng thượng, do đó gọi là mạn. Có trong lòng nghĩa là trong tâm có cứu mang, tức là có sở đắc.

“Ưu-bà-tắc ngã mạn”: Nghĩa là người kia chưa đắc mà tự cho là đắc, nhưng đã là trượng phu thì giữ chí không thay đổi cho nên nói ngã mạn. Chú giải Kinh rằng: Tuy biết vô ngã mà dùng vô ngã làm ngã cũng là mạn, ý này nghĩa là ngã năng hiểu là vô ngã nên gọi là ngã mạn.

“Ưu bà di chẳng tin”: Nhưng bốn chúng đều không tin Đại thừa, y theo không tin lại chia làm ba: hai chúng xuất gia thì có tăng thượng mạn nên không tin. Ưu bà tắc đã là trượng phu tự cho là có đủ tài năng mạnh mẽ quyết đoán giữ vững ý chí ta từ trước đến nay đã tin đạo lý La-hán rất ráo, nay vì sao chấp nhận thay đổi chí, nên gọi là ngã mạn. Kế đã là người nữ lại không có nghĩa gì khác nên nói thẳng là chẳng tin. Chú giải Kinh rằng: Tuy nói tin chẳng có mà lấy chẳng có làm tin, đó gọi là chẳng tin. Tăng Triệu rằng: Nói kia chẳng có, là nói kia chẳng phải có, chẳng phải nghĩa là chẳng có, chỉ vì người nữ chấp chẳng có nên gọi là chẳng tin. “Hàng bốn chúng như thế v.v...” là nói số chúng.

“Không tự thấy lỗi mình”: Hễ có lỗi mà có thể biết lỗi này gọi là người trí, nay nói có lỗi mà không tự biết gọi là người ngu. “Đối với giới có thiếu sót”: ở trên nói không có Tiểu thừa rất ráo giải mà cho là có giải, nay một câu nói về không có Tiểu thừa rất ráo hành mà cho là có rất ráo hành. Lại trên chưa đắc quả Tiểu thừa rất ráo mà cho là đắc quả rất ráo, lại không thọ Đại thừa vì không thể ngăn ngừa hai việc ác này cho nên nói giới có thiếu sót. Do phá giới này nên gọi là thiếu mà tín tâm rò rỉ nên gọi là lậu. Lại giới là bờ đê ngăn giữ nước phiền não, giới đã thiếu sót phiền não liền chảy ra.

Tiếc giữ tội xấu mình: Đây là giải thích nghi cho nên nói, nghi rằng đã không có hạnh giải lại không tự thấy lỗi mình, tâm đại bi của Phật sao không chỉ dạy mà khiến cho rời chỗ ngồi bỏ đi, vì vậy nên giải thích rằng không tự thấy lỗi, tiếc giữ tội xấu không thể hóa giải. Vết trong ngọc gọi là hà, dụ cho ý địa không hiểu, cho là có hiểu bệnh ngoài hòn ngọc gọi là tỳ dụ cho thân miệng không hành mà cho là có hành. Lại quá khứ tội căn sâu nặng là hà, hiện lại có tăng thượng mạn là tỳ. Lại trong tâm chấp Tiểu thừa không bỏ là hà, ngoài nghe nói Đại thừa không thọ là tỳ. Che đậy lỗi lầm là giữ, keo kiệt sai trái là tiếc. “Bọn căm thóc trong chúng”: Văn này giải thích nghi cho nên nói. Đây

là năm ngàn vị vào trong pháp Phật đâu có sở đắc (được) ư? Vì vậy nên giải thích rằng: năm ngàn người mất chân thật Trung đạo, v.v... chỉ đắc đoạn thường là cám, danh hiệu Ba thừa, như vỏ ngoài hạt gạo gọi là thóc, lý Nhất thừa như gạo trong vỏ thóc, chỉ biết danh hiệu Ba thừa mà không biết nghĩa Ba thừa cho nên gọi là thóc.

Lại, chúng thanh tịnh có thể dụng thí dụ đồng rượu gạo, người tội không thể dụng thí dụ như thóc cám. “Do oai Phật nên đi”: Chú giải Kinh rằng: Gió sanh khởi thì cát bụi tự bay, mặt trời xuất hiện thì tối sáng tự phân biệt, đây là chẳng chuyển đời mà là chuyển đời. “Người này kém phước đức”: Văn xuôi ở trên nói người có tội căn nay tụng nói lên kia vô phước. Kệ trước nói về kia chấp Tiểu thừa nên đứng dậy đi, nay nói họ không có khả năng thọ Đại thừa. “Chúng đây không cành lá”: Là tụng chúng thanh tịnh.

“Xá-lợi-phất lắng nghe v.v...” trở xuống là phần chính là nói thứ hai.

Trên có bốn môn:

- 1) môn Nhất thừa chân thật.
- 2) môn Ba thừa phương tiện.
- 3) môn Đắc thất.
- 4) môn Khuyến tín.

Nay kệ tụng chuyển thế nói pháp cũng có bốn môn:

- 1) Nhất thừa chân thật môn.
- 2) Ba thừa phương tiện môn.
- 3) Khen ngợi môn.
- 4) Khuyến tín môn.

Sở dĩ có bốn môn này là vì đầu tiên nêu Nhất thừa chân thật, kế Ba thừa phương tiện, hai môn này nói một phen giáo hóa từ đầu đến cuối nên thứ ba là khen ngợi, dùng khen ngợi xong khuyên chúng sanh tin nhận.

Nhất thừa chân thật có ba:

- 1) môn Đức Thích-ca tự nói.
- 2) môn Dẫn chứng.
- 3) môn Thuận đồng.

Nay tụng ba môn này chia làm ba đoạn.

Trong văn xuôi Thích-ca tự nói có ba:

- 1) môn Xưng tán.
- 2) môn Bất hư.
- 3) môn Hiện giáo ý.

Nay kệ chuyển thế tụng cũng chia ra ba môn.

- 1) môn Hiến giáo ý.
- 2) môn Thích nghi.
- 3) môn Khuyến tín.

Ban đầu chính là nói về nói giáo, đại ý là qui nhất thừa, kế là nói thời chúng nghi: Nếu chỉ là qui nhất thừa vì sao trước không nói một mà lại nói ba ư? Vì giải thích nghi này nên nói về vì sao trước ba sau một cho nên kế là nói môn giải thích nghi. Giáo ý đã rõ ràng trước sau lại nói lên cho nên thứ ba là khuyến tín.

Môn đầu lại có hai:

1) Nói về ý giáo thuyết pháp xưa tức văn xuôi trong bài tụng tùy nghi nói ý thú khó hiểu.

2) Nói về ý giáo nay, văn xuôi trong bài tụng nói vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ở đời.

Y cứ môn đầu lại có hai:

1) Trước nói giáo ý Tiểu thừa xưa.

2) Nói trước nói giáo ý Đại thừa.

Môn đầu có hai:

1) Nói trước nói giáo Tiểu thừa tức văn xuôi trong bài tụng tùy nghi nói ý thú khó hiểu.

2) Tụng trước nói giáo tiêu biểu ý, tức tụng trên chỉ có Chư Phật mới biết.

Môn đầu lại có hai:

1) Trình bày trước nói giáo trời người.

2) Trình bày trước nói giáo Nhị thừa.

Trong phần đầu lại có ba môn:

1) Kệ tụng khen ngợi quyền trí Phật có công khéo nói.

2) Kệ tụng khen ngợi trí Phật trong chiếu căn tánh.

3) “Đức Phật đều biết rồi” v.v... trở xuống: có bốn bài kệ chính là nói Phật nói giáo. Sở dĩ trước giáo chỉ có ba môn này vì đầu tiên khen ngợi quyền trí Chư Phật gọi là thầy thuốc, kế biết căn tánh gọi là biết bệnh sau nói giáo gọi là trao cho thuốc. Ban đầu kệ chép: pháp mà Chư Phật sở đắc nghĩa là thật trí, vô lượng năng lực phương tiện gọi là quyền trí, do bên trong có đủ hai thứ này bên ngoài năng vì vật nói pháp. Bài kệ thứ hai, ba câu trên nói biết tánh dục hiện tại, một câu dưới nói về chiếu nghiệp nhân quá khứ, vì dục hiện tại là do nghiệp đời trước cho nên kế là tụng.

Kế bốn bài kệ chia làm hai:

1) Kệ nêu chung về phó duyên nói giáo, giáo xứng với duyên.

2) Ba bài nói riêng riêng giáo môn, trước chung sau riêng để giải nghĩa. Trong phân biệt này, một hàng rưỡi đầu nói về chín bộ kinh gọi là giáo pháp, kế một hàng rưỡi nói về Niết-bàn quả pháp. Trong pháp Tiểu thừa nói chín bộ giáo khiến đắc quả Niết-bàn tức theo thứ lớp. Lại chín bộ nói chung bốn thừa quả pháp chỉ nói về quả Nhị thừa, xưa nói tuy nhiều không ngoài hai thứ này. Lại chín bộ gọi là giáo trời người. Kế nói Niết-bàn gọi là giáo Nhị thừa, nhưng Kinh luận khác nhau gồm có bốn câu:

1) Đại Tiểu đều rộng, Đại thừa đầy đủ mười hai bộ, Tiểu thừa tùy phần mười hai, do đó chỉ nói về mười hai, vì mười hai là số trọn đủ, lại trị mười hai duyên bệnh cho chúng sanh.

2) Đại tiểu đều được đồng nói về chín bộ sở dĩ chỉ nói về chín vì cũng là một số trọn đủ. Lại vì chúng sanh trong chín đường nên nói chín bộ. Tiểu thừa y cứ pháp nông cạn cho nên trừ ba, do pháp Tiểu thừa cạn hẹp nên không có Phương Quảng, Phật thọ ký chẳng phải tông Tiểu thừa, lại người Tiểu thừa không có nghĩa Bồ Phật xứ cho nên trừ Thọ ký lại pháp Tiểu thừa cạn có người năng vấn cho nên trừ Vô vấn tự nói. Lại Đại Sĩ làm bạn với chúng sanh không cần xin cho nên có vô vấn tự nói, Tiểu thừa không thể cứu giúp chúng sanh phải đợi xin mới nói cho nên không có vô vấn tự nói, Đại thừa y cứ người lợi căn trừ ba, người Đại thừa lợi căn, nói thẳng liền hiểu, không cần Nhân duyên và dùng Thí dụ cũng không cần Luận nghĩa, cho nên lược bỏ ba bộ này.

3) Tiểu rộng mà đại lược như luận Địa Trì chép: Bồ-tát tạng gọi là kinh Phương Quảng, Tạng Thanh văn có mười một bộ Kinh. Ý này nói về mười hai bộ Đại thừa là nói về lý Phương Quảng. Từ lý sở thuyên đặt tên cho nên mười hai bộ đều gọi là Phương Quảng, mười hai bộ Tiểu thừa không nói về lý Phương Quảng cho nên còn lại mười một bộ.

4) Đại rộng Tiểu lược, nói lên Đại thừa là mãn tự cho nên đầy đủ mười hai bộ, Tiểu thừa là bán tự nên chỉ có chín bộ, thì như văn này nói, chính là tông Pháp Hoa. Mười hai bộ đều lấy ngôn giáo làm thể cho nên Kinh Niết-bàn nói về biết pháp, biết nghĩa: biết pháp của mười hai bộ kinh là biết pháp nên cũng là biết giáo.

Kế chia làm hai: Tuy có mười hai bộ mà không ngoài văn xuôi và kệ, cũng được chia làm ba: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Già-đà, ba thứ này căn cứ giáo mà đặt tên thì dùng giáo làm thể của ba bộ này, chín bộ còn lại theo việc riêng mà thọ tên cũng không lìa ba thứ này. Tu-đa-la theo Luận Thành Thật và Trí độ thì ngôn ngữ nói thẳng là Tu-đa-la, cái gọi là Tu-đa-la tướng riêng. Kinh Niết-bàn từ “như vậy” đến vâng giữ gọi

là Tu-đa-la tướng chung. Trong ba tạng Tu-đa-la ngang hẹp dọc rộng, vì dọc dài cho nên thu nhiếp mười hai, vì ngang hẹp cho nên chỉ có một tạng. Trong mười hai bộ thì Tu-đa-la ngang rộng, dọc hẹp không nhiếp mười một bộ cho nên dọc ngắn, nhiếp ba tạng cho nên ngang rộng. Già-đà là: bộ thứ hai gọi là bất đẳng kệ.

Hỏi: Các Kinh luận chia mười hai bộ, bộ thứ hai gọi là Kỳ-dạ, nay vì sao gọi là Già-đà ư?

Đáp: Nay muốn nói về Phật nói pháp không định cho nên thay đổi phép tắc thường, vì trước nói chín bộ là nói về Tiểu, nay nói về chín bộ chính là thông Đại, muốn hiển nghĩa bất định cho nên nói lẫn lộn. Lại nay hiệp chín bộ này làm năm cặp: Ban đầu văn xuôi và kệ một cặp, Chư Phật hoặc vì chúng sanh nói thẳng gọi là Tu-đa-la, hoặc khiến ban đầu làm kệ nói gọi là Già-đà, do Kinh đều nêu hoặc chữ thì biết Tu-đa-la chưa hẳn ở trước Già-đà chưa hẳn ở sau. Hai bộ này Bốn sự, Bốn sanh là tự tha một cặp, Bốn sự nói việc đời quá khứ của người như Phẩm Dực Vương Bốn Sự v.v... nói việc đời quá khứ của mình là Bốn sanh; Vị tăng Hữu, Nhân Duyên ở đây nói việc thiện ác một cặp. Vị tăng Hữu gọi là Thiện Sự, như Trâu xanh hành bát, chó trắng nghe Kinh, mặt đất rung chuyển cả thân lượng chư thiên. Nhân Duyên nghĩa là khởi tội tùy việc gốc ngọn mà nói gọi là Nhân duyên. Thí Dụ Kỳ-dạ là pháp dụ một cặp, nên gọi đủ là Lộ già Kỳ-dạ Già-đà Kỳ-dạ. Trên giữ riêng bỏ chung, nay giữ chung bỏ riêng. Ưu Bà Đề-xá gọi luận nghĩa đó là năng luận, tám bộ bốn cặp trên gọi là sở luận, nghĩa là năng luận sở luận là một cặp.

Hỏi: Đại thừa Tiểu thừa đều gọi là Phương Quảng có gì khác nhau?

Đáp: Đại là đầy đủ Phương Quảng, Tiểu là tùy phần Phương Quảng. Lại Đại thừa lý chánh gọi là phương, nghĩa dôi dào gọi là quảng. Văn giải giảng lý phương quảng gọi là Kinh Phương Quảng. Tiểu thừa nói chính gọi là Phương, văn nhiều gọi là Quảng.

“Độn căn ưa pháp nhỏ” trở xuống, v.v... một bài kệ rười nói về quả Tiểu thừa. Lại trước nói chín bộ gọi là giáo trời người, nay nói về giáo Nhị thừa. Trời người tuy khác mà không ngoài chín bộ, Nhị thừa tuy khác mà đồng cầu Niết-bàn, cho nên trong giáo trời người trước trình bày căn cơ trời người, kế nói về chín bộ giáo, ở đây cũng trước trình bày căn cơ Nhị thừa kế là nêu giáo Nhị thừa.

Hỏi: Đã nói ưa pháp nhỏ (Tiểu thừa) vì sao lại nói tham đắm sanh tử?

Đáp: Hiện tại cơ duyên ưa pháp nhỏ quá khứ lâu xa tham đắm sanh tử, lại căn cứ về cơ thì ưa pháp nhỏ, căn cứ ở tình thì tham đắm sanh tử. Lại ưa pháp nhỏ tức là tham sanh tử vì Tiểu Niết-bàn là sanh tử của Đại thừa vì vậy nói Niết-bàn thứ hai nói về giáo Tiểu thừa.

“Ta bày phương tiện đó” v.v... trở xuống: Trên nói về hai thứ giáo trước, nay nói về ý của hai thứ giáo:

1) Trước theo gần nói về ý giáo Tiểu thừa, nói về trước nói pháp Niết-bàn ý là khiến cho được nhập tuệ Phật. “Quyết định nói Đại thừa”: Ngày trước nói Tiểu thừa ý ở Đại thừa, giáo không xứng ý không gọi là quyết định, nay nói ý đều hiển gọi là quyết định. Lại Đại Phẩm các Kinh hiển giáo Bồ-tát thmã hóa độ Nhị thừa đối Bồ-tát là quyết định, đối Nhị thừa là chưa được quyết định Nay Bồ-tát hiển giáo Nhị thừa hiển giáo nên gọi là quyết định. Lại Đại thừa là pháp quyết định, như kinh Niết-bàn Sư Tử hống là thuyết quyết định, nghĩa là các chúng sanh đều có Phật tánh, kinh này cũng quyết định nói chúng sanh đều có Nhất thừa, vì đạo lý không có tánh khác chỉ có Phật tánh, nói Phật tánh tức là quyết định nói, Nhất thừa cũng vậy.

2) “Chín bộ pháp của ta” trở xuống, v.v... là nói về chín bộ giáo pháp, nửa trên là nói tùy nghi nói giáo pháp, nửa dưới nói ý nói giáo nói chín bộ này vì khiến cho ngộ nhập Đại thừa và giải Đại thừa làm bốn ý, cho nên nói nhập Đại thừa làm gốc.

“Có Phật tử tâm tịnh” v.v... trở xuống: ở trên nói xưa nói giáo Tiểu thừa, kể là nói xưa nói giáo Đại thừa. Nếu nói về năm thừa thì trên nói bốn thừa nay nói giáo Đại thừa thứ năm. Nếu làm ba giáo theo thứ lớp:

Trời người là hạ giáo, kế Nhị thừa làm trung giáo, nay Đại thừa làm thượng giáo, văn chính là ý này. Trong mỗi đoạn văn đều trước nói về căn cơ, kể là nói về giáo, xem văn thì thấy. Có người chép: Trên nói về xưa nói Tiểu thừa là phương tiện, nay nói về ngày trước nói Đại thừa trong Ba thừa cũng là phương tiện, sắp muốn hội Ba thừa qui Nhất thừa, trước nói về Tiểu thừa nay nói về Đại thừa, nay nói là không đúng. Trước nói về Tiểu thừa mà văn luận Tiểu thừa là phương tiện, nếu xưa Đại thừa là phương tiện thì lẽ ra cũng xưa nêu Đại thừa, kể nêu Đại thừa là phương tiện, nhưng văn không đúng mà nêu thẳng ngày trước Đại thừa không nói phương tiện. Cho nên biết xưa Tiểu thừa là phương tiện, xưa Đại thừa chẳng phải phương tiện. Lại vì Bồ-tát thiên về hành sáu độ nói Đại thừa có thể gọi là phương tiện. Nhưng văn chép: “Đối với vô lượng Chư Phật tu hành đạo sâu mầu”, tức chẳng phải là người giả danh

thiên hành mà chính là Đại thừa chân thật. Lại Trung luận chép: Trước vì Thanh văn nói mười hai nhân duyên sanh diệt, kể là hạng người đã từng tu tập thực hành có tâm Đại thừa có khả năng thọ pháp sâu xa mầu nhiệm nói mười hai nhân duyên bất sanh bất diệt, Như vậy thì Đại, Tiểu thừa này đều là phương tiện, mà Trung luận nói về trước nói Tiểu thừa là phương tiện sau nói Đại thừa là chân thật, nay văn cũng vậy.

Hỏi: Chỉ nên nói về Tiểu thừa xưa là phương tiện, vì sao văn nay nói về Đại thừa xưa?

Đáp: Văn này song song nói hai tạng Đại tiểu của Như lai từ Hoa Nghiêm trở lên đến Linh Sơn về trước gồm hai thừa Đại tiểu tất cả các giáo. Sở dĩ nói cả hai giáo vì thứ nhất nói Tiểu thừa để hồi Tiểu nhập Đại, Bồ-tát độn căn trước không đắc ngộ nay mới lãnh giải; thứ hai là nói Đại thừa lẽ ra khen ngợi Bồ-tát đi thẳng từ Hoa Nghiêm đến nay trước hội Linh Sơn là Đại căn cơ sớm phát, lợi căn sớm ngộ. Đây chính là thường khen ngợi Bồ-tát thông đạt trước mà quở trách Thanh văn ngộ sau, chẳng liên quan với Đại làm phương tiện.

Hỏi: Sao biết như vậy?

Đáp: Dùng hai văn làm chứng: 1) Phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sanh ấy mới thấy thân ta nghe ta nói liền đắc nhập tuệ Như lai, ở đây nói về Bồ-tát thẳng đến trước sớm ngộ tuệ Phật kể là nói trừ trước đã từng tu học Tiểu thừa những người như vậy ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này nhập vào tuệ Phật, đây là nói hồi Tiểu nhập Đại Bồ-tát muộn mới ngộ. 2) Văn kinh này nói về Thanh văn muộn tu tập Đại thừa, muốn nghe Đại thừa, muộn được thọ ký, muộn sanh vui mừng. Đã là giáo chân thật tức Bồ-tát sớm tu tập Đại thừa, sớm nghe Đại thừa, sớm được thọ ký, sớm sanh vui mừng cũng là giáo chân thật. Nếu văn này nói Bồ-tát sớm nghe Đại thừa, sớm được thọ ký là phương tiện, thì các Kinh Hoa Nghiêm v.v... đều là phương tiện tức là chê bai pháp rất nặng!

Hỏi: Nếu xưa Đại thừa nói về Bồ-tát thọ ký thành Phật, đã là giáo chân thật, Thanh văn nhờ các Kinh Bát-nhã điều hòa tâm rồi sau mới được ngộ nhập Pháp Hoa, thì biết Bát-nhã là phương tiện Pháp Hoa đâu phải giáo chân thật ư?

Đáp: Bát-nhã hiển giáo Bồ-tát mật hóa Nhị thừa, người Nhị thừa nhờ giáo chân thật của Bồ-tát điều hòa tâm nên được nhập Pháp Hoa, đây chính là nhờ nơi khác trước thông đạt, sau mới được tiến lên, đâu thể nói giáo thông đạt trước gọi là phương tiện ư!

Hỏi: Đại thừa này có được gọi là phương tiện hay không?

Đáp: Đạo Kỳ vọng không hề có Đại, Tiểu chỉ vì duyên đến Đại, Tiểu nên trong vô danh tướng mượn danh tướng mà nói, vì thế Đại, Tiểu đều là phương tiện. Chẳng những Đại Tiểu đều là phương tiện mà ba thừa, Nhất thừa cũng đều là phương tiện. Nhưng nay vì Đại Tiểu đối nhau, Tiểu thừa chưa thông rõ gọi là phương tiện, Đại thừa đã thông suốt nên gọi là chân thật.

Văn này chia làm hai:

1) Khen ngợi Bồ-tát phước đức lợi căn có bảy thứ sớm, tức nói lên Thanh văn bậc phước, độn căn có bảy thứ muộn.

2) Tổng kết trước nói ý Đại thừa.

1.1 Có Phật tử tâm tịnh: Là khen ngợi đức Bồ-tát hiện tại sớm có khả năng nghe hiểu, thì nói lên Thanh văn muộn có khả năng nghe. Là phạm phu Nhị thừa và tâm có sở đắc cho nên gọi là tịnh. Nhu nhược: Có tín tâm vô sở đắc thuận theo Chư Phật không trái với Đại thừa như da trâu ướt mềm dễ uốn cong. Lợi căn tin vì kia có trí tuệ từ đầu đến cuối nói lược năm căn từ đầu đến sau. Lại, pháp Đại thừa như biển cả, Tín thì vào được, trí tuệ năng độ chúng sanh, nên nêu hai thứ này.

“Vô lượng Chư Phật v.v...” là khen ngợi Bồ-tát sớm tu tập nhân Đại thừa, do gặp Phật đã nhiều tu hành cũng chứa nhóm, thì nói lên Thanh văn tu nhân Đại thừa muộn.

“Vì các Phật tử này, v.v...” là khen ngợi sớm vì Bồ-tát nói Đại thừa tức nói lên muộn vì Thanh văn nói Đại thừa, “Mà nói Kinh Đại thừa” tức là Pháp Hoa, xưa vì Bồ-tát thẳng đến nói Pháp Hoa rồi, cho nên phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sanh ấy mới thấy thân ta nghe ta nói liền nhập tuệ Phật, tuệ ấy là Pháp Hoa bình đẳng đại tuệ, chỉ xưa gọi Hoa Nghiêm, Bát-nhã! Nay vì người hồi tiểu nhập Đại nên nói Pháp Hoa cho nên biết Đại thừa hiển đạo nghĩa đồng, vì thế nói Bát-nhã là một pháp, Phật nói các thứ tên, tùy năng lực chúng sanh vì đặt các danh tự khác. Luận Trí Độ lại chép: Kinh Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã tức làm chứng rõ ràng.

“Ta thọ ký cho người dó đời sau thành Phật đạo”: Là khen ngợi sớm thọ ký cho Bồ-tát, tức nói lên Thanh văn muộn được thọ ký.

“Bối thâm tâm niệm Phật”: Là khen ngợi Bồ-tát sớm tu chánh giải nên sớm được Phật thọ ký, thì hiển bày Nhị thừa muộn tu chánh giải cho nên muộn được Phật thọ ký. Bối thâm tâm niệm Phật là liễu ngộ được thân Như lai vô sanh diệt. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả pháp bất sanh tất cả pháp bất diệt, nếu hiểu được như thế thì Chư Phật thường hiện tiền. Lại Đại Phẩm chép: Vì sao gọi là niệm Phật? Nghĩa là

không nhớ cho nên gọi là niệm Phật, đây là trong ngoài đều sâu duyên quán đều vắng lặng, là niệm Phật chân thật.

Tu trì tịnh giới: Là khen ngợi Bồ-tát sớm tu chánh hạnh nên sớm được Phật thọ ký. Giữ giới không phạm, lìa phạm phu nhị thừa có sở đắc nên gọi là tịnh giới. Nhưng hạnh giải lại không có hai thể, chỉ một chánh quán nghĩa phân ra, lìa hoặc là giải, lìa lỗi là hạnh.

“Hạng này nghe thành Phật” v.v... trở xuống là khen ngợi Bồ-tát sớm sanh tâm han hỷ, chê trách Thanh văn sau được thọ ký mới vui mừng, lạc của Tam thiên thế gian là lạc khắp thân, cũng là lạc Tiểu thừa, nay nhờ Phật thọ ký liền được sự an vui của Phật, nên gọi là đại hỷ (lạc Đại thừa), ngộ được thân tâm bốn tánh vắng lặng này gọi là thân.

“Phật biết tâm của kia, v.v...” là tổng kết trước nói ý đại giáo: Đức Phật khi mới thành đạo biết Bồ-tát phước đức lợi căn cho nên sớm nói Đại thừa cho nghe.

“Thanh văn hoặc Bồ-tát v.v...” là nói lên ý giáo nay, tụng trên nói chỉ vì một đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở đời, văn xuôi có ba ý:

1) Nói về vì đại sự nên ra đời.

2) Chỉ vì giáo Bồ-tát.

3) Nói cõi Phật mười phương chỉ có một không hai, giải thích thành hai việc trước.

Nay văn chuyển thế tụng cũng chia ba:

1) Nói về chỉ vì giáo một người.

2) Nói lý có một không hai.

3) Biện rõ đại ý Phật ra đời. Sở dĩ trước nói về chỉ giáo một người, vì đối trước hai giáo đều phó hai duyên, nay hai duyên đồng thọ một giáo, trước vì Thanh văn đại căn cơ chưa thuần thực nên nói Tiểu thừa cho họ nghe, Bồ-tát đại căn cơ sớm thuần thực nên nói Đại thừa cho họ nghe, do đó hai giáo đều ứng phó hai duyên. Nay đến hội Linh Sơn Thanh văn Bồ-tát đại căn cơ đều đã thuần thực cho nên hai duyên đồng nghe một giáo và đều thành Phật, vì nhân duyên này cho nên trước nói về chỉ giáo một người. Không nghi: Trước nói Ba thừa tức Thanh văn không tiến đạo Bồ-tát có đường lui sụt, nay nói về có một không ba tức Thanh văn có tiến đạo đường Bồ-tát không lui sụt nên nói không nghi. “Trong cõi Phật lộ phương:” Là nói về đạo lý có một không hai: bởi do đạo lý chỉ có Nhất thừa không có hai thừa cho nên Thanh văn Bồ-tát nghe Pháp Hoa một bài kệ đều thành Phật, tức dùng văn nay giải thích thành ý trên. “Trừ Phật phương tiện nói”: Nghi rằng: đã có một không

hai trước vì sao nói có nhị thừa, cho nên giải thích rằng: Trên y cứ lý cho nên không có hai, chỉ trừ phương tiện nói có hai! “Chỉ dùng danh tự giả”: Nghi rằng: Đã nghe trừ phương tiện nói có hai, hoặc cho rằng có pháp Nhị thừa thể của nhỏ nhất vi tế, cho nên giải thích: Rốt ráo không có thể của pháp nhị thừa chỉ dùng danh tự giả thôi! “Dẫn dắt các chúng sanh”: Nghi rằng: Đã không có pháp thể sao dụng nói đây là hư danh cho nên giải thích: Vì muốn dẫn dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa, nhân không danh này mà đạt được lợi ích thật sự, nên gọi là khéo léo. Như kinh chép: Khi ta mới thành Phật, dùng Không độ tất cả chúng sanh. “Vì nói trí tuệ Phật”: Là nói về đại ý Phật ra đời, do đạo lý có đại không có tiểu, Chư Phật là người thấu đạt lý đó, đạo lý có đại nên chỉ vì đại sự mà ra đời, đạo lý không có Tiểu nên không vì Tiểu mà ra đời vì vậy nên kế đạo lý trước mà sau nói về đại ý ra đời.

Văn này chia làm hai:

- 1) Nói về Chư Phật chỉ vì một đại sự mà ra đời, không vì tiểu sự.
- 2) Dẫn chứng giải thích thành.

Văn đầu chia làm hai:

- 1) Khai hai chương môn.
- 2) Giải thích hai chương môn:
 - a) Một bài kệ nói chỉ vì một đại sự mà ra đời.

b) Kế nửa bài không vì tiểu sự mà ra đời. Nửa trên bài kệ đầu nói về vì đại sự nên Phật ra đời, nửa bài dưới nêu chân ngụy giải thích thành. “Chỉ một việc này thật, hai thứ chẳng phải chân”. Vì thế Chư Phật chỉ vì một việc nên ra đời.

Hỏi: Trên nói không hai không ba, nay vì sao lại nói hai chẳng chân thật ư?

Đáp: Trước nói về không hai nghĩa là không Duyên giác, không ba là không Thanh văn, tức là văn nay nói hai chẳng chân thật, chỉ trên nói về kia đều không, nay nói về phương tiện nói có, nhưng chẳng chân thật có. “Chẳng hề đem Tiểu thừa” v.v... nửa bài kệ dưới này nói không vì tiểu sự mà ra đời cũng là chỉ một sự thật này. Trên giải thích vì đại sự cho nên ra đời còn, hai thứ khác chẳng chân thật, nên “Không hề đem Tiểu thừa, mà cứu giúp chúng sanh.

“Phật tự trụ Đại thừa v.v...” Giải thích hai chương môn: một hàng đầu giải thích Phật vì đại sự mà ra đời, vì Phật tự trụ Đại thừa, lại dùng pháp mà Phật đặc để độ chúng sanh.

Hỏi: Định tuệ là Đại thừa, vì sao nói trang nghiêm Đại thừa ư?

Đáp: một lạng một chiếu, dùng riêng trang nghiêm chung, cũng

dùng pháp trang nghiêm người, mà nói lực ấy do năng độ vật nên gọi là lực. Lại chỉ nói về định tuệ tức hệ lụy chẳng có gì không vắng lặng là định, đức chẳng có gì không tròn đầy là tuệ, lại chẳng có hệ lụy nào không vắng lặng làm tuệ là quả Niết-bàn, quả cảnh chẳng nơi nào không chiếu là quả Bồ-đề, hai thứ này nhiếp chung quả thừa cho nên nói.

“Tự chứng đạo vô thượng v.v...” là giải thích trên không vì tiểu sự nên ra đời: Nếu tự trú pháp Đại thừa bình đẳng dùng Tiểu thừa độ chúng sinh thì có hai lỗi:

1) Trái với Đại thừa bình đẳng.

2) Rơi vào lỗi san tham.

Tự tham Đại không cho vật nên gọi là san tham.

1) Lý không thể bình đẳng.

2) Tâm không sánh Chư Phật cho nên nói là việc ấy không được.

Kế “Nếu người tin về Phật v.v...” là chứng thành trên vì Đại không vì tiểu, cho nên ra đời gồm có ba dẫn chứng:

1) Dẫn tha làm chứng.

2) Dẫn tự làm chứng.

3) Dẫn xưa làm chứng.

Dẫn tha chứng: Nghĩa là người tín tâm quy y Phật biết lời Phật dạy không dối. Nếu tự trú nơi pháp chân thật mà dùng ngụy thừa dối ban cho chúng sinh thì gọi là dối, dùng lời này dẫn dắt người khác gọi là gạt, Đức Phật tự trụ thừa chân thật lại ban cho chúng sanh nên không dối gạt. “Cũng không lòng tham ganh: “Sở dĩ bên ngoài nói dối gạt bởi do trong tâm tham ganh, tự tham chân thừa ganh ghét chúng sanh nên cho rằng pháp ngụy vì thế là dối gạt. Đức Phật không tham ganh nên không dối gạt. “Dứt ác trong các pháp”: chẳng những không có tham ganh mà còn dứt tất cả ác trong các pháp, do trong tâm có ác nên xúc xử sanh sợ, Đức Phật không có các ác nên xúc xử khắp mười phương mà không sợ hãi.

“Ta dùng tướng trang nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn tự làm chứng, gồm có bốn câu:

1) Do ta có thân tướng tốt đây, thì biết trong không tham ganh ngoài không dối gạt.

2) Ta còn dùng thân chiếu sáng thế gian thì biết thân lợi ích đối với vật cho nên trong không tham ganh ngoài không dối gạt.

3) Nói vì vô lượng chúng tôn trọng kính ngưỡng cho nên chẳng phải người tham ganh dối gạt.

4) Nói vì người nói thật tướng ấn định các pháp thì biết tự trú Đại thừa cũng muốn người khác trú Đại thừa. Lại trước kệ nói Chư Phật không có tâm ác, kệ đây nói Phật có thiện tâm, đều là giải thích thành Phật tự trú Đại thừa cùng ban Đại thừa cho chúng sanh.

Xá-lợi-phất nên biết, v.v... là thứ ba dẫn thệ nguyện thuở xưa của Phật. Đầu kệ dẫn nguyện trước của Đức Phật kệ thứ hai nguyện thuở xưa đã mãn. Nói về sơ phát tâm còn nguyện khiến tất cả mọi người đều thành Phật hướng chi nay thành Phật mà tự trụ Đại thừa ban Tiểu thừa cho chúng sanh ư!

Hỏi: Như lai mới phát tâm còn nguyện cho tất cả chúng sanh thành Phật, nay vẫn chưa thành Phật vì sao gọi là nguyện đã mãn?

Đáp: trong hội Linh Sơn Bồ-tát bỏ Tiểu về Đại đồng nhập Nhất thừa, từ đó về trước khiến Bồ-tát thọ ký thành Phật, một kỳ ra đời chỉ hai người này đều khiến thành Phật, thì đó là một kỳ nguyện mãn. Như trên dẫn Phẩm Dũng Xuất làm chứng. Chánh ý: Trước Pháp Hoa chỉ được vì một người nói Phật thừa là nguyện Phật chưa mãn, nay đều vì năm thừa sáu đường chúng sanh đều khiến thành Phật, cho nên nguyện Phật mãn. Lại vì người nói Nhất thừa tức là hợp ý Phật cũng gọi là mãn.

“Nếu ta gặp chúng sanh v.v...” là phần giải thích nghi. Văn này có hai ý nói gần và xa. Nói xa: Trên một chương đều nói về sở nói các giáo là tiêu biểu Nhất thừa khiến chúng sanh đều thành Phật, nếu vậy vì sao đức Như lai không vì tất cả mọi người đều nói Nhất thừa ư? Nói gần: Từ trên bốn thệ nguyện sanh, trước đã phát nguyện khiến tất cả chúng sanh đều thành Phật, nay mãn bốn nguyện, khi mới ra đời vì sao nói ba mà không nói ngay một, nay mới nói một? Vì giải thích ý này cho nên có chương này.

Văn có bốn:

- 1) Nói không được đều vì tất cả nói Nhất thừa.
- 2) Giải thích lý do không thể nói Nhất thừa.
- 3) Nói đã không được nói Nhất thừa nên phương tiện nói Ba thừa.

4) Nói tuy là nói Ba thừa mà cuối cùng chỉ hiển bày Nhất thừa. “Nếu ta gặp chúng sanh, dùng Phật đạo dạy cả”.

Nửa bài kệ trên là tự vấn giả sử gặp chúng sanh liền nói Nhất thừa, nửa bài dưới nói có tổn hại, không lợi ích, gồm có ba lỗi:

- 1) Căn cơ Tiểu, giáo hóa Đại có lỗi làm rối loạn.
- 2) Độn căn mê giáo hoặc lý.
- 3) Không tin, có lỗi chê bai.

“Ta biết chúng sanh này v.v...” là giải thích lý do không được nói một (nhất thừa), không được nói một gồm có hai nghĩa:

1) Biết chúng sanh không có gốc thiện.

2) Biết chúng sanh có các căn ác, dùng hai nghĩa giải thích ba lỗi trên như: “Kẻ vô trí rồi sai v.v...” không có gốc thiện: Là không hề tu hành không có thiện sở đắc là gốc của Bồ-đề, cho nên chúng sanh này không tin hiểu Nhất thừa.

“Chấp chặt năm dục”: Là nói chúng sanh có căn ác y cứ vẫn có hai:

1) Nói có ái ác.

2) Nói có kiến ác, sở dĩ chỉ nêu có ái kiến ấy vì hai thứ này nhiếp hết tất cả phiền não.

Lại người tại gia thường khởi ái, người xuất gia ngoại đạo thường khởi các kiến. Lại các ma ưa sanh tử nên khởi ái, ngoại đạo chấp các kiến nên khởi kiến. Lại ái là hành phiền não xưa, kiến là hoặc mới khởi, tất cả chúng sanh tuy đều thành tựu ái kiến trong ba cõi, mà ái thường hiện hành, nếu gặp thầy tà thì mới khởi kiến. Lại ái phiền não gọi là một lỗi, các ngoại đạo, v.v... do có ái hoặc mà ở trong đó lại khởi kiến đó gọi là trong lỗi lại sanh lỗi, vì nhân duyên này nên nói ái kiến. Căn cứ vào ái chia làm hai chương: Nhân ái và quả ái. Chấp chặt năm dục là nơi khởi ái nơi sanh ra các sự ái. Si ái nên sanh não, sở dĩ ái năm dục, do si nên khởi ái. Như Kinh Niết-bàn chép: Vì lừa dối nên sanh tham. Tịnh Danh chép: Từ si có ái thì bệnh ta sanh. Não: Là từ nhân ái sanh nên hiện khổ não, như nói do nhân duyên ái nên thân tâm khổ não hoặc tự phiền não làm người phiền não, cho nên si là nhân của ái, não là quả của ái. “Do nhân duyên các dục”. Ở trên nói sanh não gọi là hiện báo, từ đây trở xuống là nói sanh báo, hậu báo. Văn chia làm hai:

1) Báo chung.

2) Báo riêng.

Nửa bài kệ đầu nêu đắc sanh báo, nửa bài kệ sau nói về hậu báo. Đã nói luân hồi thì báo ở ba đường liên tục. Thân mọn thọ bào thai: Là báo riêng: thọ báo gọi là nhân báo. Sở dĩ chỉ nêu nhân báo ấy là Đức Phật hiện sanh trong loài người thường giáo hóa người. Nhân báo có đủ tám khổ: Nửa bài kệ trên lược nói khổ sanh đứng đầu tám khổ, nửa bài kệ dưới nói chung các khổ. “Đời đời thường thêm lớn”: Là luận kỹ về thời phần trong thai khác nhau gọi là đời đời thêm lớn. Lại đại hạn là một đời, đời đời thường như thế, tức từ đời nay đến đời sau là nghĩa

thêm lớn.

Hỏi: Chúng sanh gá thai vì sao có nam nữ khác nhau ư?

Đáp: Tinh Cha nhiều tinh mẹ ít thì thành nam, tinh mẹ nhiều tinh cha ít thì thành nữ, tinh cha mẹ bằng nhau thì thành huỳnh môn hai căn.

“Vào rừng rậm tà kiến v.v...” là nói về khởi kiến. Văn có hai:

- 1) Nói về nhân kiến.
- 2) Nói về quả kiến.

Vào rừng rậm tà kiến, trong đây có một kiến, hai kiến cho đến sáu mươi hai kiến. Nói một kiến: Là tổng gọi các kiến ngoại đạo là một tà kiến, tà kiến rất nhiều dụ cho rừng rậm. Hoặc chấp có chấp không, v.v... đây nói về hai kiến. Luận Trí Độ chép: Người ái nhiều chấp có cho nên hữu kiến. Người kiến nhiều chấp không nên khởi vô kiến. Lại nói bốn kiến thường chấp có, tà kiến thường chấp không. Y chỉ các kiến này nên có sáu mươi hai kiến: Đại Phẩm dụ như ngã kiến thu nhiếp sáu mươi hai kiến thì ngã kiến là gốc của sáu mươi hai kiến. Đại Phẩm lại chép: một và khác làm gốc, kinh này lấy hữu vô làm gốc, ba thứ này không trái nhau, do chấp hữu ngã nên sanh các kiến thì ngã là gốc rễ, do hữu ngã cho nên chấp ngã và ấm là một, ngã và ấm là khác, cho nên dùng một và khác là gốc. Ngã và ấm là một thì ấm diệt ngã diệt, liền khởi đoạn kiến, ngã khác ấm thì ấm diệt ngã còn cho nên khởi thường kiến; Đoạn, thường tức là có, không. Cho nên dùng có không làm gốc, có không gọi là biên kiến, là gốc của sáu mươi hai kiến, ngã là gốc của biên kiến. sáu mươi hai kiến: Phẩm Phật Mẫu Trong kinh Đại Phẩm khai mười bốn nạn làm sáu mươi hai kiến. Mười bốn nạn là: Thần và thế gian thường vô thường v.v... có bốn, thần và thế gian biên vô biên, tử hậu như khứ bất như khứ v.v... có bốn, hiệp làm mười hai và thân cùng thần một, thân và thần khác, hiệp là mười bốn. Thường vô thường căn cứ trong năm ấm, một ấm đầy đủ bốn câu thường vô thường cho nên thành hai mươi, như khứ bất như khứ cũng thành hai mươi, hiệp làm sáu mươi, một, khác là gốc cộng thành sáu mươi hai.

Lại nữa giải thích tức sắc là ngã, lia sắc hữu ngã, ngã trụ trong sắc, sắc trụ trong ngã, một ấm có bốn, năm ấm có hai mươi, ước đến ba đời tành sáu mươi, đoạn thường làm gốc, cộng thành sáu mươi hai, mười sáu là ấm, bốn mươi sáu là lia ấm. Lại giải thích trên một ấm chấp có không hai thứ, năm ấm liền thành mười kiến, ba đời liền thành ba mươi, năm ấm phạm phu có ba mươi kiến, hiệp thành sáu mươi. Niết-bàn chẳng nhiếp ba đời, chỉ chấp Niết-bàn có không là hai hiệp thành

sáu mươi hai.

Hỏi: năm kiến có nhiếp sáu mươi hai kiến không?

Đáp: Ngã kiến là gốc của sáu mươi hai kiến, tà kiến bác bỏ không mà sáu mươi hai kiến chấp có cho nên không thu nhiếp tà kiến, kiến thủ dùng sáu mươi hai kiến làm bậc nhất, giới thủ gọi sáu mươi hai kiến là đạo thì bốn kiến chẳng thuộc về sáu mươi hai kiến, mà sáu mươi hai kiến thuộc biên kiến.

“Chấp chặt pháp luống dối”: Trước nói từ ái khởi kiến, nay từ kiến lại sanh ái, pháp luống dối nghĩa là các kiến, chấp chặt kiến này nên gọi là ái. Lại khi Đức Phật mới ra đời không thể đoạn ngay kiến này để nói Nhất thừa nên gọi là chấp chặt. Lại đã do kiến này cho là tốt vì thế trên kiến lại sanh kiến gọi là kiến thủ kiến. “Ngã mạn tự khoe mình”: Là ý lại các kiến này đề cao bản ngã tự cao, tức các ngoại đạo khi Đức Phật mới ra đời không thọ đạo Nhất thừa. “Dua nịnh lòng không thật”: Trên từ chánh sử sanh chánh sử, nay từ chánh sử sanh triền cấu. Xiểm tức là một trong sáu cấu, tâm tạp loạn gọi là từ kiến sanh xiểm cấu, vì khởi kiến phải là người lợi căn mới có thể xiểm khúc. Người độn căn thì không thể. Trên là nói ngã mạn không thọ sự giáo hóa của Phật, nay nêu môn đồ khác xiểm khúc giáo hóa.

“Trong ngàn muôn ức kiếp”: Là nói kiến chấp quả sở đắc, lấy ái làm gốc của sự thọ sanh cho nên dưới chiêu cảm sáu đường, kiến trái với chánh lý nên trên cách với ba tôn (ba bảo), do đó hai văn nói về quả ái, kiến khác nhau. Người như thế khó độ: Đây là tổng kết ái kiến của chúng sanh khó có thể dùng pháp Nhất thừa độ.

Hỏi: Ở đây là trình bày ái kiến chúng sanh ái kiến này từ đâu có?

Đáp: Khi Phật mới ra đời thì chúng sanh đã có ái kiến cho nên không thể nói Nhất thừa.

“Cho nên Xá-lợi-phất v.v...” là nói không được nói Nhất thừa nên phương tiện Ba thừa. “Nói các đạo dứt khổ” gọi là đạo đế, “chỉ cho đó Niết-bàn” tức diệt đế, nói lược nhân quả ra đời.

Hỏi: Trên nói chúng sanh khởi tà kiến ngàn muôn kiếp không nghe danh tự Phật cũng không nghe chánh pháp, nay vì sao lại được nói Niết-bàn ư?

Đáp: Trụ trong tà kiến này thì không được nghe, nhưng tà kiến này chúng sanh quá khứ đã từng tu tập Tiểu thừa có căn tánh nhỏ mà giữa đường khởi tà kiến, vì tiểu căn cơ sắp phát sanh tà kiến, chánh đã đổ nên vì họ nói Tiểu giáo.

“Ta tuy nói niết bàn v.v...” là nói tuy là nói ba cuối cùng chỉ hiển một. Nửa bài kệ đầu là mở cửa phương tiện cho nên nói chẳng chân thật diệt. “Các pháp từ xưa nay”: có nói: Niết-bàn có ba thứ: Sơ giáo dùng không đoạn vô vi làm vắng lặng, Bát-nhã giáo lấy tứ đế bình đẳng làm vắng lặng, Kinh nay nói về đạo châu báu ngoài thế tục Niết-bàn làm vắng lặng. Nay là lúc nói nhân chưa được nói đạo châu báu diệt, hơn nữa dùng Kinh Đại Phẩm diệt để bác bỏ việc đoạn vô vi kia. Có người chép: Pháp muôn thiện xưa nay vắng lặng không có tướng Ba thừa cho nên nói vắng lặng. Nay nói hai thứ này đều chẳng giải thích. Nay văn chính là phân biệt hai thứ Niết-bàn Đại tiểu, Tiểu thừa diệt, chẳng phải chân diệt, đại Niết-bàn diệt mới là chân diệt, vì sao? Vì Tiểu thừa trước có hai lỗi nhân quả, cho nên diệt để đắc vô vi thì đó là hai kiến thường đoạn. Đại Phẩm chép: Nếu pháp trước có nay không thì Chư Phật Bồ-tát có tội lỗi, nay đối Tiểu thừa chẳng phải chân diệt cho nên nói về nhân quả hai lỗi xưa nay vắng lặng thì đó là Đại Niết-bàn diệt.

Hỏi: Nay nói Nhất thừa vì sao lại nói hai thứ Niết-bàn Đại tiểu khác nhau ư?

Đáp: Bởi quả nay khác với quả xưa cho nên được nhân nay khác với nhân xưa. Lại trước nói Tiểu thừa diệt chẳng phải chân diệt, nay Đại thừa chân diệt mới được khuyên xả tiểu diệt để cầu Đại diệt, vì chính là đại tông của Nhất thừa.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn Đại Tiểu có mấy thứ khác nhau?

Đáp: Kinh này từ đầu đến cuối có ba thứ khác nhau.

1) Tiểu thừa diệt hẹp chỉ diệt Bốn trụ và phần đoạn sanh tử, Đại thừa đều diệt năm trụ và hai loại tử, Kinh này hiện diệt ở cuối phẩm Thí Dụ cho nên chép: Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, kia thật chưa đắc tất cả giải thoát.

2) Tiểu thừa trước có phiền não và dùng thân trí nhưng sau diệt cho nên chẳng phải xưa nay vắng lặng, Đại thừa nói về phiền não và do thân trí bản tánh vắng lặng không còn diệt nữa. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Như pháp trước có, sau không thì Chư Phật, Bồ-tát có tội lỗi, Nhị thừa trước có nay không, thì Chư Phật, Bồ-tát là người tội lỗi, Kinh Niết-bàn chép: Nếu vì Thanh văn nói không bố thí thì gọi là phá giới tà kiến tức đây là bằng chứng.

3) Nhị thừa chỉ thấy không chẳng thấy bất không, tức chỉ thấy diệt chẳng thấy bất diệt, Đại thừa nói không và bất không thì đó là đầy đủ kiến đối với diệt và bất diệt. Vì thế phẩm Thí Dụ chép: Đều đem pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ thì đó là nghĩa diệt. Lại

nói cùng với thiên định trí tuệ của Chư Phật là nghĩa bất diệt. Cho nên luận Pháp Hoa chép: Chánh dùng Đại Niết-bàn làm Nhất thừa.

Hỏi: Các Kinh Đại Phẩm đã nói xưa nay vắng lặng, vì sao Thanh văn không được ngộ ư?

Đáp: Đại Phẩm tuy nói về xưa nay vắng lặng nhưng chưa nghe Tiểu thừa diệt chẳng chân diệt vì vậy Thanh văn không đắc ngộ. Nay nói về Tiểu thừa diệt chẳng phải chân diệt thì mở cửa phương tiện tướng xưa nay vắng lặng gọi là nghĩa hiển chân thật, cho nên Thanh văn mới đắc ngộ.

“Ta có năng lực phương tiện” v.v... là khuyên tin. Đầu kệ lặp lại pháp để tin, bài kệ thứ hai chính là nói khuyên tin. Nửa bài trên nương đức Thích-ca để nói về quyền, nửa bài kệ dưới căn cứ Chư Phật để nói lên Nhất thừa. “Nay trong đại chúng đây v.v...” là khuyên dứt trừ nghi. “Lời Phật nói không khác v.v...” là khuyên tin lời Phật dạy.

“Quá khứ vô số kiếp”: Là dẫn chứng: tụng Chư Phật ba đời chia làm ba đoạn: Trong văn xuôi nói mỗi Đức Phật đều có ba môn:

- 1) Hóa chủ.
- 2) Giáo môn.
- 3) Đồ chúng.

Nay lại tụng ba môn này. Nửa bài trên nêu nhiều kiếp nhiều Đức Phật, bởi do một kiếp một Đức Phật chưa đủ làm chứng, cho nên nêu nhiều kiếp nhiều Đức Phật để chúng sanh sanh tín tâm. Nửa bài kệ dưới nói về nghi thức giáo hóa của Chư Phật khác nhau mà đồng nói đạo Nhất thừa. “Các Thế tôn như thế v.v...” là tụng về giáo môn, trong văn xuôi lược chỉ có một châu nói về giáo môn, nay kệ tụng chia rộng làm hai châu:

1) Căn cứ môn thuyết pháp nói về ý giáo.

2) Căn cứ môn thần thông nói về ý giáo, hai môn mỗi mỗi đều có ba: ba môn đầu: một bài kệ nói về nói giáo. Nửa bài kệ nói về giáo ý. Nửa bài kệ nói về duyên lợi ích. Ba môn kế: Lại các đại Thánh chúa, v.v... nửa bài căn cứ môn thần thông nói về ý giáo, cũng có ba nghĩa: một bài nói biết căn cơ, một câu hiện thần thông, một câu nói về ý hiện thần thông. “Lại dùng phương tiện khác”, Có người nói trên nói về Ba thừa phương tiện nay nói về thừa trời người khác Ba thừa trên nên gọi là phương tiện khác. Có người chép: ở trên nói về Tiểu thừa phương tiện, nay nói về Đại thừa khác Tiểu thừa trên cho nên nói phương tiện khác. Nay nói không đúng. Văn trước nói về nói pháp là phương tiện, nay văn không nói pháp chính là nói thần thông, thần thông khác trên nói

pháp gọi là phương tiện khác. Vì nói pháp và hiện thân thông là lược thu nhiếp hết quá khứ giáo môn của Chư Phật, nói thẳng hoặc nói pháp hoặc hiện thân thông đều là hiển Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao hiện thân thông ư?

Đáp: Như trước diệt lửa hàng phục rồng khiến trừ tâm say của ngoại đạo, nay phát ra ánh sáng hiện tướng lành khiến bên trong đặc biệt phát tâm xin. Cho nên Phẩm Tựa chép: Tướng nay như điềm xưa là phương tiện của Phật, nay Phật phát ra ánh sáng giúp phát nghĩa thật tướng tức ý văn này.

Hỏi: Trước nói về nói pháp hương tiện cùng thân thông phương tiện có gì khác nhau?

Đáp: Nay văn hiện thân thông do khai phát chính là nói dần dần nên gọi là phương tiện, trước khai môn thuyết pháp dùng không ba nói ba cho nên gọi là phương tiện

Bậc nhất nghĩa là đạo nhất thật, lý tốt cùng chẳng gì hơn gọi là bậc nhất, sâu xa nên gọi là nghĩa.

3) “Nếu có loại chúng sanh v.v...” là tụng văn xuôi đồ chúng lãnh thọ giáo.

Văn lại có ba:

1) Nói gặp Chư Phật quá khứ hiện tại tu hành được lợi ích.

2) Nói Chư Phật quá khứ diệt độ rồi tu hành được lợi ích.

3) Nói hai đời tu hành lợi ích. Giáo môn không ngoài hai thứ nói pháp hiện thân thông, tu hành không vượt quá ba thời khác nhau, ý đây muốn thu nhiếp hết các việc năng hóa sở hóa đời quá khứ.

Trong văn xuôi ban đầu nói nghe pháp cuối cùng đặc chủng trí, nay đây kệ tụng trước nói tu hành đến cuối cùng đều thành Phật, ban đầu thì gọi là hành sáu độ, vì sáu độ là gốc thành Phật cho nên ban đầu nói. “Các thứ tu phước tuệ” là hạnh bốn thừa. “Chư Phật diệt độ rồi v.v...” là nói về sau Phật diệt độ tu hành thành Phật. Văn chia làm năm:

1) Thấy Phật Niết-bàn khởi tâm luyện mến nên được thành Phật.

2) Cúng dường Xá-lợi.

3) Xây tháp.

4) Tạo dựng tượng.

5) Nói ba nghiệp cúng dường nên được thành Phật. Năm thứ này thì thành thứ lớp ban đầu thấy Phật Niết-bàn tâm sanh kính tiếc, Niết-bàn rồi sau là cúng dường Xá-lợi, cúng dường rồi lại muốn xây tháp, muốn làm cho đời sau tôn quý cho nên tạo tượng, tạo tượng rồi kể là nói

ba nghiệp cúng dường. “Nếu người tâm lành diệu”: Nghĩa là tâm kính tểc đó lại là tín tâm, thuận theo Chư Phật không trái giáo môn nên gọi là lành diệu. “Chư Phật diệt độ rồi” là nói cúng dường Xá-lợi. “xây muôn ức thứ tháp”: Là nói việc xây tháp. Tiếng Phạm là Tháp bà hoặc là Thâu-bà hoặc gọi Đẩu-bà, Hán dịch là Phương phần cũng gọi là Mả. Tầng Nhất A-hàm chép: Có bốn việc được phước phạm:

- 1) Không có tháp xây tháp.
- 2) Hoà hiệp Thánh chúng.
- 3) Tu bổ sửa chùa hư hỏng.
- 4) Phật khi mới thành đạo xin xoay bánh xe pháp.

Phước Phạm: Chúng sanh trong bốn thiên hạ cho đến sáu tầng trời cõi Dục không một phước nào bằng Phạm thiên. Miếu là mạo, cung dường chùa tháp đối như thần hiện hữu có hình dáng tương mạo. Mộc mật (gỗ mật): Hình dáng tợ bạch đàn mà có mùi thơm chỉ thấy ở Trường An. “Nếu như người vì Phật v.v...” là nói về tạo tượng. Kinh Ưu Bà Tắc rằng: Không cho dùng keo làm bằng da súc vật, được dùng keo gỗ. Có giải thích rằng: Không có giải thích chép: Khai giá có ý khác. “Nếu người nơi tháp miếu v.v...” là nêu ba nghiệp cúng dường.

“Nơi Chư Phật quá khứ, v.v...” là hiệp nói về hai đời tu hành thành Phật. “Có người nghe pháp này” là nghe trên nói pháp đều được thành Phật.

Hỏi: Cúi đầu đưa tay việc thiện này làm sao thành Phật?

Đáp: Thuở xưa, ngài Trúc Đạo Sanh soạn Luận Thiện Bất Thọ Báo, nói một mảy may điều thiện đều được thành Phật không thọ báo sanh tử, nay thấy Kinh Anh Lạc cũng có ý đây.

Sư luận Thành Thật: Nhất niệm thiện có hai nhân tập và báo, báo nhân thì chiêu cảm trời người, tập nhân thì dẫn dắt tánh tướng chúng sanh thành Phật. Nay nói nghĩa này đều thành khó hiểu. Kinh nói thiện có sở đắc bất động bất xuất, phạm phu tập nhân thiện đã có sở đắc làm sao được thành Phật ư! Dùng lời nói đây trở lại vặn hỏi Sanh Pháp Sư. Nay nói về nhân thiện có thọ báo và không thọ báo, thiện có sở đắc thọ báo có sở đắc, thiện không có sở đắc thọ báo không có sở đắc, gọi là nghĩa thọ báo. Thiện có sở đắc không thọ báo có sở đắc, thiện không sở đắc không thọ báo có sở đắc, gọi là nghĩa không thọ báo. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Thiện có sở đắc bất động bất xuất, thiện không sở đắc năng động năng xuất tức là chứng.

Hỏi: Gốc lành trời người đã là có sở đắc, vì sao kinh này nói đều thành Phật ư?

Đáp: Gốc lành trời người bởi là duyên xa thành Phật, cho lên nói thành Phật. Kinh Đại Phẩm nói về duyên gần không chọn duyên xa, cho nên nói thiện không sở đắc năng động năng xuất, thiện có sở đắc bất động bất xuất, Kinh này gần xa đều nói chung nên đều nói thành Phật.

Hỏi: Gốc lành trời người vì sao là duyên xa thành Phật?

Đáp: Gốc lành trời người có hai thứ:

- 1) Tập nhân.
- 2) Báo nhân.

Báo nhân thì cảm thân trời người, do có tập nhân gặp Phật, Bồ-tát nghe nói Đại thừa sanh một niệm tin vô sở đắc, tin này là hạt giống Phật đạo, nhờ trước có sở đắc sanh sau không có sở đắc vì thế luận Trí Độ chép: Có sở đắc là môn đầu của vô sở đắc nên gọi là duyên xa.

Hỏi: Tập nhân, Báo do này giải thích có gì khác với Thành luận? Đáp:

Luận nói về một niệm thiện đầy đủ hai nhân, nay nói về thiện có sở đắc thiện trước sau nương nhau sanh, tự chính nó là nghĩa tập nhân, cảm báo là nghĩa báo nhân, tập, báo này đều không thành Phật.

Cho nên luận Pháp Hoa giải thích: Đồng tử nhóm đất thành tháp Phật đều đã thành Phật đạo, tức phải phát tâm Bồ-đề mới được thành Phật, chẳng nói gốc lành của phàm phu và quyết định gốc lành của Thanh văn được thành Phật. Trung luận chép: Tuy là ân cần tinh tấn tu hành đạo Bồ-đề nếu trước chẳng có Phật tánh thì không bao giờ thành Phật.

Hỏi: Đã là gốc lành có sở đắc làm sao năng sanh vô sở đắc ư?

Đáp: Có sở đắc nếu tánh quyết định thì không thể năng sanh vô sở đắc, bởi các pháp không có tánh quyết định, gặp Phật Bồ-tát ngộ có sở đắc này vốn vô sở hữu liền sanh vô sở đắc.

Hỏi: Vô sở đắc có hai nhân tập, báo hay không?

Đáp: Cũng có hai nhân, tập vô sở đắc sanh vô sở đắc tức là tập nhân hành nhân vô sở đắc cảm báo vô sở đắc gọi là báo nhân. Vì thế kinh Đại Phẩm chép: Báo đắc Vô sanh pháp nhẫn, báo đắc sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao nói đều đã thành Phật đạo ư?

Đáp: Đức Phật quán chiếu thấy chúng sanh quá khứ tu hành gốc lành đã được thành Phật.

Hỏi: Nay nói về ý giáo hóa của Phật, quá khứ, cùng kệ trước nói Đức Thích-ca tự khai tông biện luận giáo ý có gì khác nhau?

Đáp: Trên chính là nói về chúng sanh Nhị thừa đều được thành

Phật, nay nói chung chúng sanh năm thừa đều thành Phật. Để phá trước nói hành nhân năm thừa mà đặc quả Năm thừa, cho nên nay nói về nhân không khác cảm quả không khác, cho nên đều thành Phật. Sở dĩ trước nói về Nhị thừa thành Phật sau nói về Năm thừa thành Phật là gồm có hai nghĩa:

1) Giáo đây chính sanh khởi vì người Nhị thừa và trời người cho nên nêu trước.

2) Nêu thừa trời người phá Nhị thừa chấp chặt.

Đức Phật chép: Ta dùng mắt Phật thấy quá khứ trời người nhất niệm gốc lành còn đều đã thành Phật, vì thế biết không có khôi thân diệt trí đồng với thái hư rốt ráo mãi mãi trụ trong Nhị thừa mà không thành Phật.

Chư Phật đời vị lai: Tụng trên Chư Phật đời vị lai, căn cứ văn có hai châu:

1) Lược tụng ba việc trên.

2) Giải thích rộng giáo ý của Chư Phật đời vị lai. Hai môn mỗi môn lược có ba.

Ba môn đầu: Nửa bài tụng hóa chủ. Một bài rưới tụng giáo ý. Nửa bài tụng bảm thọ giáo được lợi ích. “Chư Phật vốn thế nguyện”: Là rộng tụng giáo ý của Chư Phật đời vị lai cũng khai ba môn:

1) Một bài nói bốn nguyện, nguyện nói về Nhất thừa.

2) một bài biện nói pháp, nói về Nhất thừa.

3) Hai bài căn cứ Phật sở chứng, nói về Nhất thừa. Hai bài kệ đầu như văn. “Chư Phật lưỡng túc tôn”: Nêu để chứng minh Nhất thừa. Trên nói Phật quá khứ đều nói chung tất cả thiện có sở đắc, và không có sở đắc đều sẽ thành Phật. Nay văn chỉ nêu vô sở đắc thiện căn bản mới được thành Phật thì giải thích thành nghĩa trên. Lưỡng túc tôn: Hoặc dùng giới định làm nhị túc, quyền thật làm nhị túc, hoặc dùng phước tuệ làm nhị túc, hoặc dùng giải hành làm nhị túc, đây đều là nhị túc đức bên trong, ngoại hình dùng trời người làm nhị túc, Phật là bậc tôn quý nhị túc của hàng trời người. “Biết pháp thường không tánh”: Là biết tất cả pháp không có tự tánh, mà nói thường chẳng phải là phá tánh cho nên nói không tánh, tánh vốn thường không có cho nên nói thường không tánh. “Giống Phật theo duyên khởi”: Hạt giống có ba:

1) Dùng giáo Nhất thừa làm hạt giống, phẩm Thí Dụ chép: Đoạn hạt giống Phật thì đó là phá giáo.

2) Dùng tâm Bồ-đề làm hạt giống. Kinh Hoa Nghiêm chép: Hạt giống Phật ở ruộng chúng sanh phát sanh, mầm chánh giác.

3) Lấy Như lai tạng Phật tánh làm hạt giống.

Nay kệ đầu chính dùng tâm Bồ-đề làm hạt giống, ở trên nói về không tánh, nay nói nhân duyên, giống Phật: Tức là tâm Bồ-đề vô sở đắc làm hạt giống Phật, tâm Bồ-đề đây nhờ duyên mà sanh khởi thì phát, cho nên nói Nhất thừa là do tâm Bồ-đề mượn duyên mà khởi. Cho nên Phật nói cho họ nghe Nhất thừa khiến phát tâm Bồ-đề, Nhất thừa giáo tức là duyên phát tâm Bồ-đề. Lại nói chỉ có Nhất thừa không có Nhị thừa thì tâm Bồ-đề chỉ có tiến không có lùi. “Pháp đó trụ ngôi pháp”: Trên nêu tâm Bồ-đề làm hạt giống, nay nêu bốn có Phật tánh lấy làm hạt giống Phật, nếu không có Phật tánh thì tuy nói Nhất thừa giáo và phát tâm Bồ-đề mà cuối cùng cũng không được thành Phật vì vậy nên phải nói Phật tánh. Gồm có ba ý: Nửa bài kệ đầu chính trình bày Phật tánh tức pháp ấy trụ ngôi pháp là tên khác của Phật tánh cũng là tên riêng của Nhất thừa. Tương thế gian thường trụ: Chúng sanh thế gian vốn có Phật tánh cho nên Phật tánh thường trú Phẩm Tuổi thọ chép: Như lai thấy biết như thật tướng ba cõi, không có sanh tử cho đến chẳng phải thật chẳng phải hư tức là Như lai tạng pháp thân thường trú. “Kế đạo tràng biết rồi”: Là ý thứ hai: Nói biết Phật tánh, nghĩa là khi ngồi đạo tràng mới thấy Phật tánh. Kế “Đạo Sư phương tiện nói”: Là ý thứ ba nói về Phật tánh. Nhưng Phật tánh dứt bốn câu siêu trăm phi thật không thể nói, chỉ trong vô danh tướng vì chúng sanh có nên mượn danh tướng nói vì thế gọi là phương tiện. Đây khác với Ba thừa phương tiện trên, cũng khác với thần thông phương tiện cho nên Kinh này nói có nhiều thứ phương tiện.

“Cửa Trời người cúng dường”: Là tụng Phật hiện tại, gồm có hai châu: một bài rưới lược tụng ba việc trên, một bài tụng nói về hóa chủ, một câu tụng nói về sở hóa, một câu tụng nói về giáo môn. “Biết vắng lặng bậc nhất”: trở xuống ba bài kệ rộng tụng ba việc trên: một bài nói về ba thứ pháp luân, biết vắng lặng bậc nhất gọi là pháp luân căn bản, “dùng phương tiện lược” gọi là pháp luân chi mật, là từ gốc khởi ngọn. “Thật ra là Phật thừa” gọi là nhiếp ngọn về gốc. “Biết các hành chúng sanh v.v...” trở xuống hai bài kệ nói rộng về pháp luân chi mật. “Nay ta cũng như vậy”: v.v... trở xuống hai bài kệ nói về đức Thích-ca thuận đồng theo Chư Phật.

Lại có hai phần:

- 1) Kệ thuận đồng Chư Phật nói về pháp luân nhiếp ngọn về gốc.
- 2) Kệ thuận đồng Chư Phật từ pháp luân gốc khởi ngọn. Nhiếp ngọn về gốc gọi là nhiếp dụng về thể, từ gốc khởi ngọn gọi là từ thể

khởi dụng. Hai thứ này tuy lược mà nhiếp giáo cùng khắp. “Vì an ổn chúng sanh”: Do phàm phu chấp có nên ở trong nhà lửa ba cõi, Nhị thừa chấp không nên chưa vượt đường ác năm trăm do tuần, tất cả đều chẳng an ổn. Cho nên Trung luận chép: “Trí cận thấy các pháp hoặc có hoặc không v.v... do đó không thể thấy diệt, thấy pháp an ổn”. Nay nói Trung đạo Nhất thừa khiến lia hai kiến có không của phàm phu Nhị thừa cho nên gọi an ổn. “Dùng các loại pháp môn” đưa ra phương pháp an ổn khiến nhập Phật đạo an bày nơi an ổn.

Trong kệ này, nửa bài tụng trên nói về biết căn cơ tức câu: “Ta dùng sức trí tuệ, rõ tánh đục chúng sanh”. Tiếp một câu nói giáo. Kế một câu nói được lợi ích. “Xá-lợi-phất nên biết v.v...” Trên đây đã tụng Nhất thừa chân thật rồi, nay là tụng Ba thừa phương tiện. Trong văn xuôi văn lược chỉ nói chung Chư Phật ra đời ở đời năm trước phương tiện nói Ba thừa, nay văn giải thích rộng nói về đức Thích-ca ra đời ở đời năm trước. Một thời giáo hóa gồm có bốn ý:

1) Ở địa vị pháp thân thấy chúng sanh năm trước có khổ không vui nên khởi tâm đại bi.

2) Bi tâm đầy đủ bên trong vì bồn thù tích, khi Phật mới thành đạo muốn nói Nhất thừa cứu chúng sanh rất khổ ban cho họ sự rất vui, nhưng tuy bậc Thánh có khả năng trao cho mà chúng sanh không có khả năng thọ nhận cho nên dứt hóa Nhất thừa.

3) Đã không có khả năng thọ giáo Nhất thừa nên đối với một Phật thừa phương tiện nói Ba thừa điều hòa tâm kia.

4) Nói về gom ba về một. Bốn môn này đều khởi ở đời năm trước cho nên giải thích chương năm trước ở trên. Ban đầu thấy năm trước nên khởi tâm đại bi, vì có năm trước nên không có khả năng thọ Nhất hóa, do có năm trước nên phương tiện nói ba, năm trước chương tiêu nên sau vì nói một, vì thế bốn ý đây đều khởi ở đời năm trước.

Hỏi: Vì sao chỉ nói về bốn chương?

Đáp: Đức Thích-ca xuất hiện ở đời năm trước, một kỳ hạn từ đầu đến cuối chỉ có bốn môn này: Ví như cha mẹ thấy con bệnh khổ đầu tiên rất sanh tâm thương xót, kế muốn cho con uống thuốc hay để bệnh mau lành, nhưng bệnh con nặng không thể uống thuốc, Kế vì con không thể dùng thuốc hay nên phương tiện dùng thô dược trị bệnh nặng cho con, cuối cùng bệnh nặng đã trừ trở lại cho uống thuốc hay bệnh liền dứt hẳn. Cha trừ thân bệnh cho con chỉ bốn môn này không được thêm bớt, Phật trị tâm bệnh cho chúng sanh cũng chỉ bốn môn này không được thêm bớt, cho nên một kỳ hạn ra đời chỉ nói về bốn môn. Chẳng những

đức Thích-ca một kỳ ra đời đầy đủ bốn môn này, mà tất cả Chư Phật cũng không ngoài bốn môn này; tức cũng làm căn bản cho bốn thí dụ trong nhà lửa ở phần sau. Môn đầu là Trưởng giả thấy lửa, môn thứ hai là cứu con không được, môn thứ ba là dụ ba xe cứu được con và môn thứ tư là đồng ban xe lớn cho các con. Nhưng trước sau pháp và dụ do văn kia làm chính, chỉ có bốn dụ này không còn phát sanh cái khác để giải thích. Nếu nói có mười thí dụ căn bản sáu dụ căn bản đều không tương ứng với văn. Đời Mạt pháp đã không còn thấy Phật chỉ nương lời Phật dạy làm thầy không nên sanh tâm xuyên tạc.

Hỏi: Sau thí dụ đã có sáu nay vì sao chỉ có bốn?

Đáp: Trước văn xuôi nói về năm trước chỉ một chương, nay kệ chuyển thế nói pháp liền có bốn môn. Phẩm này pháp thuật có bốn; phẩm sau thí nói nêu sáu, cũng là chuyển thế nói pháp, hoặc nói sau hoặc trở lại đồng với trước, Kinh có ba châu là ý một châu, bởi thế các giảng sư phần nhiều sai lầm, đến phẩm Thí Dụ sẽ nói rộng.

Hỏi: bốn môn này có mấy loại thân?

Đáp: Đủ ba thân.

1) Nói về pháp thân thấy chúng sanh có khổ không vui liền khởi tâm đại bi.

2) Khi mới thành đạo vì chúng Bồ-tát nói Kinh Hoa Nghiêm, là thân Lô-xá-na.

3) Vì Thanh văn nói Ba thừa nghĩa là thân Phật Thích-ca, ban đầu là thân từ chỗ Phật thấy, kế đến là thân từ chỗ Bồ-tát thấy, sau là thân từ Nhị thừa thấy. Lại đầu là pháp thân, kế là ứng thân, sau là hóa thân, thứ tư là nghe Nhất thừa liễu ngộ giáo ý từ đầu đến cuối, đầy đủ ba thân, cho nên luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thọ Lượng đầy đủ nói về ba thân.

Hỏi: bốn môn đủ mấy thứ giáo?

Đáp: bốn môn này đầy đủ ba giáo, Như lai ở địa vị pháp thân soi thấy chúng sanh năm trước. Một kỳ từ đầu đến cuối căn tánh ứng đủ có khả năng nghe ba thứ giáo môn. Kế dùng bốn thù tích vì chúng sanh nên nói ba thứ giáo.

1) Khi mới thành đạo vì các Bồ-tát nói pháp luân căn bản.

2) Không có khả năng thọ pháp luân căn bản nên từ gốc khởi ngọn nói về pháp luân chi mật.

3) Gom ba về một cho nên nói pháp luân nhiếp ngọn về gốc.

Hỏi: Đã có ba thứ pháp luân, có được nói ba thân hay không?

Đáp: Cũng được như.

1) Ban đầu vì các Bồ-tát hiện thân Lô-xá-na là thân căn bản.

2) Nói Nhị thừa không thể thấy thân này cho nên ẩn bốn thù tích khởi thân chi mật, Phẩm Tín Giải chép: Cởi áo châu báu mặc áo thô xấu.

3) Đã lập một phế ba, cũng dứt tích về gốc thì nên nói cởi áo xấu lại mặc áo châu báu, cho nên giáo có ba thân cũng vậy.

Căn cứ bốn môn này mỗi môn có ba đoạn hiệp thành mười hai chương kinh. Ba môn đầu:

1) Nêu năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Khởi tâm bi. Ta dùng mắt Phật thấy là năng kiến.

Năm nhãn có hai môn:

1) Căn cứ ứng thân nói về năm nhãn, Phật thác thai cha mẹ nên có nhục nhãn. Ở dưới cội cây chứng đắc bốn nhãn, do có xa thấy cho nên có thiên nhãn, chiếu căn tánh Ba thừa cho nên có pháp nhãn, chiếu soi thật tướng cho nên có tuệ nhãn, chiếu soi cảnh giới Phật nên có mắt Phật.

2) Căn cứ Pháp thân nói về năm nhãn: chiếu năm thứ cảnh giới cho nên có năm nhãn, chiếu cảnh chướng bên trong gọi là nhục nhãn, chiếu cảnh chướng bên ngoài gọi là thiên nhãn, ba thứ còn lại như trên.

Hỏi: Nếu căn cứ năm cảnh nói về năm nhãn, nay chiếu sáu đường nên gọi là thiên nhãn vì sao gọi là mắt Phật?

Đáp: năm nhãn có hai môn: Trong nhân gọi là bốn nhãn, quả địa gọi là mắt Phật, nghĩa là người có nhục nhãn, trời có thiên nhãn, Thanh văn có tuệ nhãn, Bồ-tát có pháp nhãn, Phật có mắt Phật, cho nên bốn nhãn nhập vào mắt Phật đều gọi là mắt Phật. Nay nhân quả đối nhau cho nên nói mắt Phật thấy chúng sanh không gọi là thiên nhãn.

Căn cứ vào mắt Phật, y theo cảnh nói về năm dụng kia, người có năm nhãn, thấy chúng sanh trong sáu đường thì thuộc thiên nhãn, lại mắt Phật không chỗ nào không biết, chẳng có chỗ nào không thấy mà cũng thấy chúng sanh trong sáu đường.

Hỏi: Năm nhãn được gọi gồm có mấy thứ?

Đáp: Nhục nhãn tuệ nhãn căn cứ thể mà đặt tên, lấy nhục làm nhãn nên gọi là nhục nhãn, lấy tuệ làm nhãn nên gọi là tuệ nhãn, Pháp nhãn thì từ cảnh đặt tên. Do kia thấy pháp gọi là pháp nhãn, Thiên nhãn mắt Phật được tên gọi không nhất định, vì sao? Vì thiên nhãn được gọi gồm có ba thứ:

1) Từ người mà đặt tên gọi, người theo nghĩa được gọi, Chư Phật

Bồ-tát gọi là Tịnh thiên, sanh trong ngoài người báo được thiên nhãn thấy suốt đại thiên thế giới, từ Tịnh thiên kia dùng đặt tên ấy nên gọi là thiên nhãn.

2) Căn cứ thứ mà đặt tên. Ban đầu từ Bốn Thiên vương lên đến Phi tướng gọi chung là Thiên thú, sanh lên cõi trời kia báo được nhãn căn, thấy suốt và xa nên gọi là thiên nhãn.

3) Từ nhãn được tên, như Luận Địa trì chép.

Tất cả thiền định ở trong ba trụ gọi là Thiên trụ, y Thiên trụ này tu đắc tịnh nhãn, từ nhãn đặt tên nên gọi là thiên nhãn. mắt Phật được tên gồm có hai thứ:

1) Từ người đặt tên, Phật là người gọi, người có mắt này nên gọi là mắt Phật.

2) Phật gọi là giác, giác này năng khiêu soi nên gọi là mắt Phật.

Hỏi: Năm nhãn lấy gì làm thể?

Đáp: Nếu căn cứ pháp thân thì lấy trí làm thể trí có năm dụng cho nên gọi là năm nhãn, nếu căn cứ thiên nhãn, nhục nhãn của ứng thân đã là căn thì lấy sắc làm thể, ba thứ còn lại dùng trí làm thể. Nếu nói thiên nhãn thông tức theo nghĩa Tỳ-đàm cũng lấy trí làm thể.

Hỏi: Năm nhãn và mười nhãn trong Hoa Nghiêm làm sao nhiếp nhau?

Đáp: Nói mười nhãn:

1) Nhục nhãn thấy tất cả sắc.

2) Thiên nhãn thấy các chúng sanh chết đây sanh kia.

3) Tuệ nhãn thấy các chúng sanh căn tánh sai khác.

4) Pháp nhãn thấy các pháp tướng chân thật, nghĩa là thấy các pháp tướng bậc nhất nghĩa.

5) mắt Phật thấy mười lực của Phật.

6) Trí nhãn phân biệt biết rõ tất cả các pháp.

7) Minh nhãn thấy tất cả ánh sáng của Chư Phật.

8) Xuất sanh tử nhãn thấy pháp Niết-bàn.

9) Vô ngại nhãn thấy tất cả pháp không có chướng ngại.

10) Phổ nhãn là thấy pháp giới bình đẳng pháp môn. Nhục nhãn này là nhục nhãn trước bao gồm thiên nhãn, thấy thô tế xa gần là thiên nhãn. Thiên nhãn là thiên nhãn trước. Tuệ nhãn, mắt Phật, Trí nhãn, Minh nhãn, xuất sanh tử nhãn, vô ngại nhãn, sáu thứ nhãn này là pháp nhãn trước. Pháp nhãn này là tuệ nhãn trước vì thấy Chân-đế. Phổ nhãn này là mắt Phật trước thấy khắp pháp giới chân thật bình đẳng.

Nói về sở kiến: “Thấy chúng sanh sáu đường”: Căn cứ trong sở

kiến chia làm hai:

1) Nêu chung thấy sáu đường.

2) Nói riêng thấy có không. Kinh Đại Phẩm nói năm nhãn không thấy chúng sanh, nay sao lại nói thấy?

Đáp: Kinh Tịnh Danh chép: Có đức Thế tôn đặc thiên nhãn chân thật đều thấy quốc độ Chư Phật không do hai tướng, không do hai tướng ấy nghĩa là thấy rõ ràng mà không hề thấy, tuy không hề thấy mà chẳng có chỗ nào không thấy, cho nên thấy và chẳng thấy không hai. Kinh Đại Phẩm nói thấy không chỗ thấy, kinh này nói không thấy mà thấy, cho nên không trái nhau.

Hỏi: Đã thấy sáu đường và sáu đường thấy có gì khác nhau ư?

Đáp: Đức Phật thấy không có sáu mà là sáu, biết sáu mà không có chỗ sáu, sáu đường làm sáu, sáu mà thấy, cho nên phẩm Thọ Lượng chép: Không như ba cõi thấy ba cõi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thuận theo chúng sanh cho nên đều nhập các thế gian, trí tuệ thường vắng lặng khác nhau cái thấy thế gian.

Lại nữa chúng sanh có hai:

1) Chúng sanh tánh điên đảo.

2) Chúng sanh nhân duyên giả danh. Kinh Đại Phẩm nói không thấy, trong đạo lý rất ráo không có tánh thật chúng sanh nên không thấy. Kinh này nói nhân duyên chúng sanh cho nên mắt Phật thấy, cho nên văn trước đầy đủ hai nghĩa: “Nhân thiên lưỡng tức tôn biết pháp thường vô tánh” tức là nghĩa không thấy tánh. “Giống Phật theo duyên khởi” nghĩa là thấy nhân duyên. Lại Trung luận chép: Các pháp không có tánh quyết định, Đức Phật có vô lượng phương tiện hoặc nói bốn câu tất cả thật không thật v.v..., cũng nên nói pháp không có tánh quyết định tùy chúng sanh nên có bốn câu hoặc thấy không thấy. Vì thế luận chép: Chư Phật hoặc nói ngã hoặc nói vô ngã, trong các pháp thật tướng phi ngã phi vô ngã; cũng nên nói Chư Phật hoặc nói thấy hoặc nói không thấy, trong các pháp thật tướng chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy.

Nghèo cùng không phước tuệ: Nói riêng thấy có không: Ban đầu nói thấy không nghĩa là không phước không tuệ, nhưng tu hành có sở đắc phước tuệ nói là trông mong đạo cuối cùng là không có phước tuệ. Cho nên kinh Đại Phẩm chép: Có sở đắc thì không có đạo, không có quả. “Vào đường hiểm sanh tử”: là nói về thấy có, trên thấy không phước không tức có hai thứ không, nay thấy quả khổ, khổ nhân là hai thứ có. Ban đầu nói thấy quả khổ cũng nương văn trên lấy không phước

tuệ làm tư lương cho nên vào đường hiểm sanh tử đến nỗi khiến chúng sanh có quả khổ liên tục. “Vào sâu trong năm dục”: Đây là nói thấy quả khổ. Lại trước vào đường hiểm sanh tử thực hành nhân khổ, đắc quả khổ, nay nơi quả khổ lại tạo nhân khổ. Khổ nhân có hai: Trước ái sau kiến.

Vào sâu trong năm dục chính là khởi ái, phiền não ba cõi gọi chung là dục, do tánh đắm nhiễm nên luận Thành Thật chép: La-hán dứt dục ba cõi. Nói chấp sâu: Là do có sở đắc thấy năm dục quyết định thật có rồi sau chấp; do đó gọi là sâu. “Như trâu mao mấn đuôi”: Trâu do si mấn đuôi, chúng sanh do si nên khởi ái. Lại do mấn đuôi cho nên bị người bắt được làm hại, nên mấn đuôi là hại thân, chúng sanh ưa đắm năm dục nên bị các khổ. Truyện Long Thọ chép: Dục là gốc của họa là nguồn các ác, bại đức nguy thân đều do dục đây khởi, nếu ta được thoát thì thế nguyện xuất gia. “Do tham ái tự che”: Trên là nói do si khởi ái, nay là nói công dụng của ái, Ái có hai lực:

1) Cảm khổ sanh tử.

2) Mê cảnh chướng trí, trước nói nhập sanh tử đường hiểm gọi là cảm khổ sanh tử, nay nói mê cảnh chướng trí do ái che tâm làm chướng tuệ. “Đui mù không thấy biết” là mê cảnh. “Không cầu Phật thế mạnh” là đắm sâu năm dục gọi là người bệnh. Phật thế mạnh là Phật có thế lực mạnh mẽ dứt được bệnh ái cho chúng sanh gọi là thầy thuốc. Pháp đoạn khổ nghĩa là bình đẳng đại tuệ là lương dược chúng sanh bị ái ngăn che tâm đui mù không thấy được, không biết tham ái là bệnh, lại không biết Phật là thầy thuốc giỏi pháp là thuốc hay.

“Sâu vào các tà kiến”: Là nói về kiến nhân. “Lấy khổ muốn bỏ khổ”: Như các ngoại đạo chấp khổ ba cõi là Niết-bàn, Bà-la-môn Đan-Đề chỉ bụng là Niết-bàn là chấp khổ cõi dục là Niết-bàn, ngoại đạo A-la-la chấp vô tướng là Niết-bàn, tức chấp khổ cõi Sắc làm xả khổ, Uất-Đầu-Lam-Phất chấp phi tướng làm Niết-bàn là lấy khổ Vô sắc mà muốn xả khổ sanh tử tức là giải thích nghĩa tà kiến trên. Đây là tà kiến chung, đối với năm kiến chẳng lạc tịnh mà chấp lạc tịnh đó là độc đầu kiến thủ.

Hỏi: Chấp sanh tử là Niết-bàn, là mê sanh tử hay mê Niết-bàn ư?

Đáp: Chính mê sanh tử là Niết-bàn, như mê thú dữ là người.

“Phật vì chúng sanh này”: Là nói khởi tâm bi: Xa thương xót: Là thương cho chúng sanh kia không có hai thiện phước, tuệ, có khổ hai ác nhân quả. Gần thương: Là thương xót các ngoại đạo chấp phi đạo

là đạo, đạo là phi đạo. “Xưa ta ngồi đạo tràng”: Là vì chúng sanh có năm trước nên khi mới thành đạo Phật nói Nhất thừa giáo hóa không được. Trên đã đầy đủ đại bi bên trong nay nêu phương tiện cứu giúp bên ngoài, nhưng bậc Thánh tuy năng cứu mà vật không có khả năng thọ. Văn cũng có ba:

- 1) Nêu nói Nhất thừa không được.
- 2) Chư thiên khuyến xin.
- 3) Trái thỉnh.

Văn đầu có ba: Nửa bài đầu nói về chỗ tư duy, nửa bài kế là nêu thời gian tư duy, sau một bài rưỡi là nêu việc tư duy. Xưa ta ngồi đạo tràng: Ở đạo tràng vắng lặng tại Ma-kiệt-đà mới thành Chánh giác, “Quán cây và kinh hành”. Có người chép: do danh để nêu ý, Thọ: Muốn cây đứng thẳng như chúng sanh nương gốc lành Đại thừa. Hành: Là muốn nêu Như lai sẽ hành các việc như cây đứng thẳng. Có người chép: Đức Như lai ngồi dưới gốc cây thành Phật, nhớ ơn cây cho nên quán cây. Hành: Đi đến chỗ thành đạo mà ngồi, nay đắc đạo rồi nên kinh hành, tức muốn hành thiện lợi vật báo ân cây. Giải thích này xuất xứ trong kinh. Có người chép: Đây là theo pháp thế gian tức là tất đàn thế giới. Người đời tư duy gồm có hai thứ:

- 1) Quán vật tư duy.
- 2) Kinh hành tư duy.

Nay tùy pháp thế gian cũng chia làm hai: Chú giải kinh rằng: Cây lấy tĩnh làm thể, Hành lấy động làm tướng muốn phát sanh tư duy tốt quyết im lặng nói năng phù hợp căn cơ. Trong hai mươi mốt ngày: Là nói thời gian tư duy. Luật Di Sa tắc chép: Tam-muội bảy ngày, đây cùng luận Thập Địa.

Luận kia cũng hỏi: Vốn vì lợi ích chúng sinh mà thành đạo, vì sao bảy ngày tư duy không nói ư?

Đáp: Vì nói lên tự thọ lạc của đại pháp, đã nói lên pháp lạc khiến cho chúng sanh đối với Như lai thêm lớn tâm ái kính, lại xả bỏ diệu lạc ấy thương xót chúng sanh nói pháp cho họ nghe. Đây là bảy ngày đầu không nói, tuần thứ hai mới nói pháp. Kinh này nói trải qua ba tuần mới nói. Trong Luật và Tát-Bà-Đa bộ nói trải qua sáu tuần mới nói. Kinh Thập Nhị Du nói Đức Phật thành đạo xong qua năm thứ hai mới độ năm người, tức là một năm không nói. Luận Trí Độ nói năm đến mười tuần không nói pháp, hoặc có thể là năm mươi bảy ngày hoặc có thể năm mươi lần bảy ngày, gần một năm tương ứng với Kinh Thập Nhị Du. Thích ứng duyên thấy nghe không cần hiểu. Luận Tát-bà-đa chép:

Vì sao bốn mươi hai ngày không chép: Là do Phạm thiên chưa đến xin, lại chúng Kiều-trần-như gốc lành chưa thuần thực, lại trước tự an thân rồi sau mới nói, lại khiến chúng sanh tôn trọng. Nay nói về Như lai đã biết từ lâu nên nói hay không nên nói, chỉ là chỉ bày pháp mầu nhiệm, chúng sanh độn căn tùy theo pháp thế tục nên thị hiện tư duy kỹ rồi sau nói, bảy ngày là cùng tận của một số, ba tư là pháp thường của thế tục cho nên nói ba lần bảy.

Hỏi: bảy ngày sao lại cùng tận của một số ư?

Đáp: Pháp trong ngoài bảy ngày có đổi khác, trong thai bảy ngày thì biến chuyển, so sánh thân ăn uống bảy ngày không ăn thì chết.

“Tư duy việc như vậy “: Là nêu việc tư duy. Có người chép: bảy ngày đầu tư duy trí Phật mầu nhiệm. Bảy ngày tuần thứ hai tư duy chúng sanh độn căn. Bảy ngày tuần thứ ba tư duy không thể đem diệu tuệ trao cho người độn căn. Có người chép: bảy ngày đầu muốn nói pháp Nhất thừa mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng, bảy ngày thứ hai tư duy muốn nói Nhất thừa mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng. bảy ngày tuần thứ ba muốn nói nhân duyên đời trước mà chúng sanh không có căn cơ liền dừng. Do suy tìm ba hạng căn cơ hạ, trung, thượng ngộ Nhất thừa mà không được nên có ba tuần. Lại nói bảy ngày đầu dùng khuyên để nói Đại thừa không được, bảy ngày thứ hai dùng răn dạy để nói Đại thừa không được, bảy ngày thứ ba dùng khuyên và răn hợp nói cũng không được. Nay nói về như trên biện luận tùy pháp thế tục cho nên nói ba lần bảy. “Trí tuệ của ta được”: Nay vẫn nói thẳng ra ba việc tư duy:

1) tuệ Phật mầu nhiệm.

2) Chúng sanh độn căn.

3) Không thể dùng trí tuệ mầu nhiệm trao cho độn căn.

Tuệ Phật mầu nhiệm: Chẳng phải ngu chẳng phải trí, bất quán bất duyên nên gọi là mầu nhiệm. Chúng sanh các căn độn: Là nói về tuệ căn độn. “Tham si vui làm mù”: Là căn ám độn không ngay thẳng, lại có hai lỗi:

1) Tham đắm sự vui gọi là ái.

2) Ngu si gọi là vô minh. Luận Tỳ-bà-sa chép: Dụ như có người bị trói cả tay chân bị mất lại đem thả trong rừng sâu không thể ra được, chúng sanh bị ái trói buộc, vô minh ngăn che không thể ra khỏi rừng sanh tử cũng như người mù kia. “Các hạng người như thế” là kết ý không thể trao diệu tuệ cho hạng độn căn ấy được.

“Bấy giờ, các Phạm vương v.v...” là chư thiên xin nói. Văn cũng có ba:

- 1) Một bài rưỡi nói về người năng xin.
- 2) Một câu nêu nghi thức xin.
- 3) Một câu chính nói về xin.

Luận Trí Độ chép: Chư thiên nghi pháp khác nhau, trời Tịnh cư khuyến Phật độ cho xuất gia, Tứ thiên vương bưng bát, Phạm vương xin xoay bánh xe pháp.

Hỏi: Đức Phật vì chúng sanh nên ra đời tự ứng nói pháp đâu có đợi xin ư?

Đáp: Luận nói Đức Phật tuy không đợi xin mà khiến người xin được lợi ích. Kinh Kim Quang Minh loại bả quyển chép: Xin Phật xoay bánh xe pháp năng diệt tội chê bai mười hai bộ kinh: Lại trước xin sau nói pháp Chư Phật như. Lại không xin mà nói là ngoại đạo chê trách. Lại ngoại đạo thường thờ Phạm Thiên, Phạm Thiên đã xin thì ngoại đạo tâm phục. Lại nếu không xin mà nói thì ứng đáp mười bốn nạn, do đợi xin mới nói cho nên không đáp.

Hỏi: Vì sao chư thiên xin mà không nói người xin ư?

Chư thiên hơn người cho nên nói chư thiên xin, lại người không thể xin, chư thiên có trí tuệ biết Phật thành đạo nên nói chư thiên xin. Lại Đức Phật ở một mình trong rừng thành Phật, trong đó không có người cho nên người không xin.

Hỏi: Thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng vì sao mười sáu vương tử thỉnh trước sau Phạm Vương mới thỉnh, nay vì sao chỉ nói chư thiên thỉnh không nói vương tử thỉnh ư?

Đáp: Chú giải Pháp Hoa chép: Trước Đức Phật xuất hiện đời tốt có con nối nghiệp cha nay Đức Phật ra đời đời ác nên con con không nối dõi.

“Ta liền tự suy nghĩ”: Là nói không thuận thỉnh mà dứt hóa. Theo văn cũng có ba:

- 1) Giả thiết muốn nói Nhất thừa.
- 2) Nói không lợi ích có tổn hại.
- 3) Nói về dứt hóa.

Hỏi: Trên tư duy có gì khác với nay tư duy?

Đáp: Trên là nói không thể trao diệu tuệ cho người độn căn, nay tư duy giả thiết nhận lời xin của Phạm vương nói Nhất thừa thì tổn hại không có lợi ích. Chúng sanh chìm nơi khổ: Là nói về không lợi ích có tổn hại.

“Ta thà không nói pháp” trở xuống: Là nói trái thỉnh mà dứt hóa. Ban đầu dùng bốn thù tích nói Nhất thừa vì muốn lợi ích chúng sanh,

nay nói Nhất thừa thì không lợi ích mà có tổn hại cho nên xả ứng qui chân gọi là nhập Niết-bàn thì không có tổn hại.

“Liên nhớ Phật quá khứ”: Là đoạn nói khi Đức Phật mới thành đạo chúng sanh không có khả năng thọ Nhất thừa vì thế đối một Phật thừa phân nói riêng ba thừa.

Hỏi: Đức Phật vì tự nói Ba thừa hay đợi xin mới nói?

Đáp: Theo luận Trí độ chép: Phạm vương ban đầu xin nói pháp đức Như lai nói Phật pháp sâu xa chúng sanh độn căn không thuận lời xin, không nói. Kế Phạm Vương trình bày chúng sanh có thượng, trung, hạ căn lại xin nói pháp, Đức Phật nhận lời xin lại nên nói Ba thừa.

Vấn cũng có ba:

- 1) Thấy rõ căn tánh chúng sanh.
- 2) Chính là nói giáo Ba thừa.
- 3) Lãnh thọ giáo có lợi ích, tức là phần Thí dụ sau: ba xe cứu được

con.

Vấn đầu cũng có ba:

- 1) Nói về thuận theo Chư Phật quá khứ nên nói Ba thừa.
- 2) Nhận lời khuyên hiện tại của Chư Phật khắp mười phương nói Ba thừa.
- 3) Thuận theo chúng sanh năm trước nên nói Ba thừa.

Hai ý đồng Chư Phật, một ý sau tùy thuộc chúng sanh tức là ba nhân duyên, cho nên nói Ba thừa. Nếu chấp thuận Phạm vương xin thì có bốn duyên riêng. Bài kệ đầu có hai:

1) Nửa bài kệ là tư duy cổ Phật.

2) Nửa bài là nói Đức Thích-ca thuận đồng cổ Phật. Đạo pháp nhất thừa hóa độ chúng sanh không được nên đối Nhất thừa nói Ba thừa, Đức Thích-ca tin mà khéo thích hợp thuận đồng với Phật xưa.

“Lúc ta nghĩ thế đó”: Tức Chư Phật mười phương khuyên nói Ba thừa.

Vấn chia làm hai:

- 1) Xưng tán.
- 2) Khuyến khích.

Xưng tán có ba phần: Nửa bài nói về Chư Phật mười phương hiện thân, sở dĩ hiện thân: Là đức Thích-ca đối một nói ba hợp lý xứng căn cơ, lý số cảm Chư Phật ứng hiện thân. Kế nửa bài là an ủi khen ngợi. An ủi: Ẩn dấu thật đức, bớt đi chỗ vui mà pháp độ chúng sanh, đây là sự nhẫn khổ, nay thuận theo pháp thế gian cho nên an ủi. Kế là khen ngợi: Lập ra Ba thừa phương tiện hợp lý xứng căn cơ đây là đáng khen ngợi. Một bài kệ kế chính là nói lời khen ngợi, việc như văn.

Chúng ta cũng đều được v.v... là nói Chư Phật tự trình bày thì gọi là khuyến khích. Văn chia làm ba:

1) Nói Chư Phật hiện tại trên Phật quá khứ phương tiện nói Ba thừa.

2) Kệ nói về hiện tại Chư Phật dưới thuận căn tánh chúng sanh nên nói Ba thừa.

3) Nửa bài nói về Ba thừa.

“Xá-lợi-phất phải biết v.v...” trở xuống là nói Đức Thích-ca vui mừng nhận lời xin. Văn chia làm hai:

1) Một bài kệ nói về vui mừng đáp lại Chư Phật khen ngợi ở trên.

2) Kệ nói về thọ xin đáp lại trên Chư Phật đã khuyến khích Nam mô Quy mạng, là cứu ngã. Quy mạng: Là qui mạng nương tựa Chư Phật mười phương, Chư Phật khuyến khích nói Ba thừa kéo dài tuệ mạng của chúng sanh tức là kéo dài tuệ mạng của đức Thích-ca cho nên đức Thích-ca qui mạng nương tựa Chư Phật. Chư Phật khuyên nói Ba thừa, đã là cứu giúp chúng sanh tức là cứu giúp đức Thích-ca cho nên gọi là cứu ngã.

“Ta lại nghĩ thế này, ta ra vẫn đực v.v... trở xuống là thuận theo chúng sanh năm trước cho nên nói Ba thừa. Ta tức là tự tư duy: hai chương kinh từ đầu đến cuối có bốn tư duy. Không nói Nhất thừa có hai tư duy, như trước giải thích, nói Ba thừa cũng có hai tư duy. Sở dĩ có hai tư duy ấy: Là thuận theo pháp thế gian suy nghĩ và quyết định. Ban đầu tư duy trên đồng Chư Phật, sau tư duy dưới thuận căn tánh. Nói đời vẫn đực là tuy có Phật mười phương khuyên nhưng nếu xuất hiện ở đời tốt cũng không nói Ba thừa, Nay đức Thích-ca tự xét thấy xuất hiện đời ác cho nên thích ứng nhận lời khuyên nói Ba thừa.

“Suy nghĩ việc đó rồi v.v...” là chánh huyết Tiểu thừa. Văn có bảy câu: Trước nói thời gian muốn nói Ba thừa nghĩa là suy nghĩ lại rồi quyết định thích ứng nói Ba thừa. “Liên đến thành Ba-nại”: Là nói về nơi nói Ba thừa. Ba-la-nại này, Hán dịch là Lộc lâm. Xưa có Vua dùng rừng này để nuôi hươu nên gọi là Lộc lâm. Luận Tỳ-bà-sa gọi là Tiên nhân Viên (vườn Tiên nhân). Xưa có vị tiên ở đây, do đó đặt tên. Lại gọi là thành Giang Nhiểu, thành này có nước bao quanh. Nay gọi là Ba-la-nại tức xứ chung, Lộc lâm là xứ riêng trong đó. Nước Ca-tỳ-la chính là trung ương của đất Thiên-trúc, các nước đều ở bốn phương, Ba-la-nại ở phía tây nước Ca Tỳ-la cách chín trăm sáu mươi dặm, Đức Phật xoay bánh xe pháp ở phía Bắc thành Ba la Nại cách hai mươi dặm.

Hỏi: Vì sao ban đầu Đức Phật nói pháp trú ở thành này?

Đáp: Chúng sanh ở xứ này đã đợi thời gian lâu để được ngộ cho nên bậc Thánh giáo hóa; nơi chốn không nhất định. Nay nói hai nhân duyên nên đến thành này:

1. Luận Bà-sa chép: Có năm chỗ nhất định: là nơi sanh, nơi xuất gia, nơi thành đạo, nơi nói pháp và nơi diệt độ. Chư Phật ba đời đều ở các nơi này nói pháp nên gọi là xứ định.

Hỏi: Làm sao biết xứ định?

Đáp: Khi Phật chưa ra đời có vua chuyển luân đem binh chúng muốn vượt qua đường này, mà binh chúng dừng lại không chịu đi, giữa hư không có tiếng nói đây là nơi cổ Phật nói pháp vua phải nên tránh, cho nên biết đó là xứ định.

2. Năm người thối lui không trở về nước, sợ vua Tịnh Phạn trách phạt nên tiến vào rừng sâu không chịu theo giúp đỡ Thái tử, cho rằng Thái tử không đắc đạo vì thế họ dừng lại ở rừng Lộc lâm. Luận Tỳ-bà-sa chép: ba người chấp khổ hạnh đắc đạo, hai người chấp thọ lạc đắc đạo, hai người thấy Phật khổ hạnh liền cho là Phật không đắc đạo cho nên đến vườn vườn Nai, ba người hai năm cúng dường Phật, sau thấy Phật uống sữa nai lại cho rằng Phật thọ lạc nên không đắc đạo cũng bỏ Phật đến vườn Nai. Đức Phật thọ thỉnh xong liền nghĩ rằng: cửa Cam lộ mở ai nên được nghe trước, tự nghĩ A-la-la, Uất-Đầu-lam-Phất thông minh lợi căn nên được nghe trước độ cho đắc đạo. Chư thiên báo rằng: một vị tiên qua đời đã bảy ngày, một vị tiên ngày hôm qua qua đời. Đức Phật lại nghĩ rằng ai nên được nghe thì biết năm người nên kế tục thọ đạo cho nên Đức Phật đến chỗ ấy giáo hóa.

“Tương các pháp vắng lặng”: Câu thứ ba là nói Ba thừa là phương tiện. Trước nói về gốc phương tiện, gốc phương tiện tức là pháp mà Phật chứng đắc chẳng quán chẳng duyên không ba không một, gọi là không thể dùng ngôn ngữ giảng nói. “Bèn dùng năng lực phương tiện”: Câu thứ tư là nói về từ thật khởi quyền chẳng ba chẳng một mà quyền nói ba. “Vì năm Tỳ-kheo nói”: Câu thứ năm nói về vì người. Nói năm người là:

- 1) Kiều-trần-như.
- 2) Thập-lực Ca-diếp.
- 3) Á-bệ.
- 4) Bạt Đề.
- 5) Ma-nam Câu-lợi.

Nói Tỳ-kheo: Đức Phật nói pháp rồi mới có Tỳ-kheo. Năm người

ấy y cứ ban đầu gọi cho nên sau gọi.

Hỏi: Vì sao trước vì năm người nói pháp?

Đáp: Kinh nói không đồng, một nói thời Phật Ca-diếp có chín người đồng học, bốn người lợi căn đắc đạo trước năm người độn căn tự thệ Đức Thích-ca ra đời phải đắc đạo trước. Lại Kinh nói đức Thích-ca ở thời kiếp đối kém thân con cá lớn tự thệ rằng ai trước ăn thịt ta sẽ được độ trước hết, năm người ấy đến ăn thịt trước nên trước được độ. Lại kinh nói thời quá khứ có sáu người, năm người hái hoa lúa cúng dường Phật, một người nói đọi lúa chín cúng dường Phật, cho nên năm người ngộ trước, Tu-bạt sau mới ngộ.

“Đó là xoay bánh xe pháp”: Câu thứ sáu tổng kết nói giáo danh tự. Nếu căn cứ tự tha mà nói, Đức Phật khi mới thành đạo tự xoay bánh xe pháp gọi là bắt đầu tự chuyển nay vì người nói pháp thì gọi là bắt đầu của tha chuyển. “Liên có tiếng Niết-bàn”: Câu thứ bảy tổng kết giáo chỉ qui. Tuy chuyển tứ đế mà tông qui về nhất diệt, cho nên Đại thừa có bốn đế và một đế, Tiểu thừa cũng nói bốn đế một đế. Nói pháp Ba thừa chủ yếu đầy đủ bảy câu trên.

“Cùng với A la hán”: Là nói lãnh thọ giáo được lợi ích. Văn chia làm hai:

- 1) Được lợi ích
- 2) Giải thích nghi.

Trước nói xoay bánh xe pháp Tứ đế, nay nói Ba bảo hiện đời. A la hán là Phật bảo. Luật nói Đức Phật vì năm người nói pháp, năm người gọi Phật là La-hán.

Hỏi: Kiền-trần-như đầu tiên đắc đạo, bốn người còn lại trú ở địa vị nào?

Đáp: Luận Bà-sa chép: bốn người trụ ở bốn thiện căn như Noãn v.v... đến mùa hạ đầu mới đắc đạo.

Hỏi: Tám muôn chư thiên đắc đạo là chư thiên nào?

Đáp: Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói là Diệm-ma Thiên tử.

Hỏi: Luận Trí Độ chép: tám muôn thiên tử đắc Vô sanh pháp nhãn, các kinh khác nói đắc pháp nhãn tịnh việc này thế nào?

Đáp: Pháp nhãn tịnh của Tiểu thừa tức là Vô sanh pháp nhãn của Tiểu thừa. Từ trước ngôi đạo tràng đến văn này đều là dẫn các sự trong kinh Chuyển Pháp Luân.

“Từ kiếp lâu xa đến nay”: Là giải thích nghi thâm khai tuổi thọ nói Đức Thích-ca từ lâu đã hiểu vì Nhất thừa nói Ba thừa, chẳng phải thọ Chư Phật khuyên mới nói Niết-bàn. Lại nói về từ lâu xa đến nay có

phương tiện nầy lợi vật, chẳng phải nay mới chế tạo, ông chớ nghi ngờ. Muốn khuyên tín cho nên nói như. Từ trước là nói về việc phương tiện xong, cho nên đề phòng ngăn cản chúng sanh chớ nghi.

“Xá-lợi-phất nên biết”: Là nói về giáo Nhất thừa. Văn chia làm ba phần:

- 1) Thấy căn cơ Đại thừa phát.
- 2) Chính vì nói Nhất thừa, Ba thừa.
- 3) Nghe Nhất thừa được ngộ giải.

Trước nói Ba thừa cũng chỉ ba ý nầy, tức thí dụ đồng ban cho con xe lớn ở phần sau. Căn cơ phát là Thí dụ xin xe ở sau. Vì nói nhất thừa là thí dụ đồng ban cho xe lớn. Nghe giáo ngộ giải là thí dụ được xe vui mừng ở phần sau sẽ nói.

Phần đầu lại có bốn:

- 1) Hai bài kệ nói về thấy đại căn cơ phát.
- 2) Một bài kệ niệm muốn sanh khởi giáo.
- 3) một bài kệ nêu không có căn cơ thì mất có căn cơ thì được.
- 4) một câu nói thấy có căn cơ phát cho nên vui mừng.

“Ta thấy các Phật tử”: Đại căn cơ đã phát có khả năng nối kế thành Phật tử. Cơ phát chẳng phải một cho nên nói vô lượng ngàn muôn ức. “Đều đem tâm cung kính”: Luận theo sự đã đến chỗ Phật nghe pháp thì tôn kính người mà trọng pháp. Theo duyên nói thì có lý bỏ Tiểu sùng Đại nên nói tâm cung kính. “Đồng đến chỗ Phật”: Nói theo sự là đến hội Linh Sơn. Trong lý thì cơ phát hợp Thánh gọi là đến; “Từng theo Chư Phật, nghe nói pháp phương tiện”, là nói quá khứ từng thọ giáo phương tiện, trước không biết là phương tiện, nay giáo khởi mới gọi là phương tiện. Cho nên nói về phương tiện xưa, vì xưa nghe Ba thừa thật nhuần nhuyễn tâm mình là phương tiện nhập đạo Đại thừa.

“Ta liền nghĩ thế này”: Là đã thấy rõ Đại thừa căn cơ đang phát, ý muốn phát khởi giáo. “Xá-lợi-phất nên biết” là nói về sự mất của người không có căn cơ gồm có bốn điều mất:

- 1) Do không biết nhân Ba thừa ngộ Nhất thừa nên gọi là độn căn, như chấp ngón tay quên mặt trăng.
- 2) Ưu pháp Nhị thừa gọi là tiểu trí, đó chỉ là đắc nhân vô ngã.
- 3) Chấp chặt Tiểu giáo gọi là chấp tướng.
- 4) Bảo thủ Tiểu thừa rốt ráo không tin Nhất thừa gọi là người kiêu mạn, như người này đã lia pháp hội, các ông ở hội này tức bên trong có thật đức khác nhau hạng người kia.

“Nay ta vui vô úy”: là thấy có căn cơ cho nên vui mừng vô úy.

Nói pháp Nhất thừa là rất thuận theo tâm Phật nên gọi là vui, như Kinh Niết-bàn chép: Tâm ưa thích nói Chân-đế, cho nên biết chúng sanh năng tin nhận không chê bai pháp ấy.

“Ở trong hàng Bồ-tát”: Chính nói về nói Nhất thừa, chỉ hàng Ba thừa gọi là Bồ-tát. “Chính bỏ ngay phương tiện”: Là phế bỏ quyền giáo, hiển lộ phế bỏ quyền gọi là chính bỏ ngay. Trước hội ở vườn Nai chính lập quyền chưa được nói phế bỏ, cũng là ý bỏ mà nói không bỏ, đến lúc giao phó tài sản chỉ là thăm bỏ chưa được gọi là chính bỏ ngay. Lại xưa chấp ba là thật gọi là tà, nay liền xả bỏ gọi là chánh, Ba thừa trông mong Phật đạo quanh co, nên gọi là khúc khuỷu nay phế bỏ Ba thừa thẳng đến Phật đạo nên gọi là thẳng. “Chỉ nói đạo vô thượng”: là nói về lập thật. Trước phế thật lập quyền, nay phế quyền lập thật. “Bồ-tát nghe pháp đó”: là nghe Nhất thừa ngộ giải, Bồ-tát gọi là nghi đều đã trừ, La-hán nói đều sẽ thành Phật, ở vẫn nói về. Lại trước không nói La-hán thành Phật nên nay nói về La-hán thành Phật. Trước đã nói Bồ-tát thành Phật cho nên nay không nói về thành Phật, chỉ Bồ-tát trước nói có ba nay nghe không ba do đó sanh nghi. Nay biết trước nói ba là phương tiện nay nói một là chân thật hai lần nói không trái nhau, nên nghi được trừ. Lại Bồ-tát trước nghi xưa chưa biết là tiến Thành Phật hay thoái làm Nhị thừa, nay biết có một không hai vì thế chỉ tiến không thoái nên nghi xưa không còn.

“Như Chư Phật ba đời”: Là đoạn lớn kế theo khen ngợi pháp. Phần đầu tụng Nhất thừa chân thật, kế tụng Ba thừa phương tiện, Trong Ba thừa phương tiện nói rộng việc đức Thích-ca một kỳ ra đời từ đầu đến cuối đã rõ ràng. Bày thật bỏ quyền đều là trong kinh Pháp Hoa nói. Khen ngợi pháp khiến vật tin nhận nên phải khen ngợi; có sáu việc khen ngợi: một bài đầu hợp nghi thức Chư Phật, khen ngợi Chư Phật đều trước ba sau một, đức Thích-ca cũng. Lại Chư Phật đều có pháp luân căn bản, chi mật, thâm ngọn về gốc, đức Thích-ca cũng như vậy cho nên nói “như nghi thức Chư Phật”. Kế nửa hàng khen ngợi Phật khó gặp, bậc Thánh thế gian dễ gặp cho nên nói ngàn năm một bậc Thánh, Chư Phật khó gặp cho nên nói kiếp số dài xa, vì sao? Vì chúng sanh phước ít, tội nhiều nên không gặp Phật, dù có nhiều công đức mà không có gốc lành thấy Phật nên nói Phật đối với người đó là khó gặp. Nửa bài kệ dưới nói Phật dễ gặp, khen ngợi nói Kinh Pháp Hoa là khó hơn, vì sao? Vì có người gặp Phật hơn bốn mươi năm mà không nghe nói Nhất thừa thì biết Nhất thừa khó nghe còn Phật dễ gặp. Vì sao? Vì chúng sanh thường có thiên căn Nhị thừa phạm phu, hạt giống tu Trung đạo

chánh quán ít nên không cảm được Phật nói Nhất thừa. Nửa bài kệ là nói về các ông từ vô lượng kiếp đến nay nghe là khó, như từ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đến nay mới được nghe. Kế nửa bài kệ là nói về nghe thì dễ chuyên tâm lắng thọ sanh tin thì khó. “Ví như hoa Ưu đàm”: Là dưới nói nghe thì dễ, mà nghe hiểu vui mừng đã mới là khó. Nghe hiểu vui mừng: Do nghe pháp ngộ giải trong tâm vui mừng ngoài phát lời khen ngợi, Chư Phật ba đời đồng hành đạo này, nay vui mừng khen ngợi xứng hợp tâm Thánh tức là pháp cúng dường Chư Phật ba đời, người như thế còn hơn hoa Ưu đàm. Luân vương ra đời có hoa Ưu đàm mà khai Pháp Hoa là Pháp Luân Vương nên gọi là “còn hơn”. Văn xuôi nêu hoa này khen ngợi pháp, nay nêu hoa này khen ngợi người.

“Các ông chớ có nghi v.v...” là đoạn lớn nói về khuyên tin. Xưng tán rồi, khuyên trừ nghi tin nhận.

“Xá-lợi-phất! Các ông! Là chỉ phương pháp mở rộng kinh của bậc thượng căn, một châu ở trên đã nói rồi, nay khuyên truyền chỉ bày cho ai chưa nghe, Thân Tử đắc ngộ thành Bồ-tát nên phải mở rộng đạo lợi người. Lại ở trên nói về thuyết pháp là Đức Phật Nhiên Đăng, nay nói về mở rộng kinh khiến truyền đặng. Lại một châu pháp nói cũng được chia làm ba đoạn: Ban đầu chọn chúng gọi là duyên khởi, kế là nói về chính là nói, nay là truyền bá Văn có hai:

- 1) Bốn bài kệ chỉ chung phương pháp mở rộng Kinh.
- 2) Ba bài kệ chỉ cho nghĩa được mất.

Văn đầu lại có hai:

- 1) Một bài khen ngợi kinh sở mở rộng.
- 2) Ba bài kệ chính nói về phương pháp mở rộng kinh.

Trước không nói cho nên là bí, nói bí ấy bởi là lời khen ngợi, như thế gian nói pháp bí mật ngàn vàng cũng không truyền, nay cũng vậy. Nói bí yếu ấy là tông qui nhất, lại chính là nói về thành Phật. Kế ba bài nói phương pháp mở rộng kinh chia làm ba:

Hai bài khuyên người không có pháp khí chớ truyền, kế một bài khuyên người ấy là pháp khí nên trao. Trong hai bài kệ đầu, trước kệ khuyên khiến chớ vì người khởi ái mà nói, bài kệ kế là khuyên chớ vì người khởi kiến mà nói. Ban đầu là phàm phu kiến chấp tiểu lạc mà quên đại lạc, kế là chấp chặt Tiểu thừa thì trái nghịch Đại thừa. “Người tầm quý, trong sạch v.v...” là khuyên vì người ấy nên trao, cũng có hai người: Tầm quý là người mới tu hành, khởi ái kiến và tâm phàm phu Nhị thừa liền sửa đổi hổ thẹn sám hối Trong sạch: Là người tu hành lâu, từ lâu huân tập Đại thừa, không sở đắc chánh quán không còn ái kiến

và cấu tâm phàm phu Nhị thừa nên gọi là trong sạch như trên chép: “có Phật tử tâm tịnh”. “Xá-lợi-phất nên biết”: Là nói về được mất. Một bài rưỡi đầu nói không học tập là mất, kế một bài rưỡi khen ngợi Thân Tử học tập là được. “Pháp Chư Phật như vậy ,v.v...” Là phải trước quyền sau thật. Đây là chỉ phép tắc sở học. Kế nửa hàng nêu không học Kinh này thì không biết. “Phật là thầy trong đời”: Thân Tử ban đầu nghe nói lược cho rằng Phật là ma, sau nghe nói rộng mới biết là bậc thầy lớn của thế gian. Nửa bài này nói về người biết phân biệt chánh tà. Kế một câu khen ngợi quyền thật lãnh pháp. Câu dưới nói không còn nghi tổng kết quyết hiểu rõ người pháp. Kế nửa hàng nói về hai nghi đã trừ, vui mừng thành tựu một đạo Phật thừa.

Niên hiệu Vĩnh Nhân giữa năm Nhâm Ngọ, Sa-di Đạo Tôn vì báo hiếu công chưa tròn nên in bản Pháp Hoa quyển bốn này để báo hiếu kỷ niệm ngày giỗ mẹ, thương tiếc sâu muộn do ai. Than ôi! Trải qua nhiều kiếp cũng khó đền ân, may mắn gặp được bộ Pháp Hoa này như bông cây trôi mà chưa mục, nên khắc in bản Nghĩa Sở quyển thứ tư được lưu hành rất thịnh cho đến cõi trời Hữu Đảnh đến cõi A tỳ cứu độ chúng sanh vô biên.

Sa-môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.

